NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM
Số: 356/TB-ĐHNH-PĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Lịch giảng - lịch thi hệ đại học chính quy Khóa 35, 36, 37, 38 học kỳ 2 (2022 - 2023)

- HK2 bắt đầu từ tuần 1: Thứ Hai ngày 30/01/2023

- Ngày nghỉ trong học kỳ:

+ Thứ 7 tuần 2, thứ 7 tuần 20: Sinh hoạt lớp

+ Thứ 4,5,6,7 tuần 9, Thứ 2,3,4,5,6,7 tuần 11: thi KTHP đợt 1

+ Tuần 23: thi KTHP đợt 2

+ Sáng Thứ 5 tuần 12: Đối thoại Nhà trường - Sinh viên

+ Thứ 7,CN tuần 13; Thứ 2,3,4 tuần 14: Nghỉ Lễ Giỗ Tổ, 30/4 & 01/5/2023

Giờ học bắt đầu và kết thúc:

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)

Sáng	Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15	**Chiều**	Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15
	Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)		Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)
	Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05		Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05

Ca thi - Giờ thi:

Ca 1:	7g00	**Ca S1:**	7g00	**Ca C1:**	13g00
Ca 2:	9g30	**Ca S2:**	8g30	**Ca C2:**	14g30
Ca 3:	13g00	**Ca S3:**	10g30	**Ca C3:**	16g00
Ca 4:	15g30				

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
1	ITS307	D01	An toàn bảo mật thông tin	3	S	**4** **6**	1-4 1-8	C301	HTTTQL	13/4/2023	S3	1		PM	PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
2	ITS307	D02	An toàn bảo mật thông tin	3	C	**4** **6**	1-4 1-8	C301	HTTTQL	13/4/2023	S3	1		PM	PM	K37	HTTTKD	HTTTKD - 01	
3	ITS307	D03	An toàn bảo mật thông tin	3	S	**3** **4**	16-18 12-13,15-21	C301	HTTTQL	03/7/2023	S1	2		PM	PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
4	FIN312	D01	Bảo hiểm	3	C	**2**	1-9	B1.304	TC	11/4/2023	S1	1			PM	K36	TC	TC - 05	
5	FIN312	D02	Bảo hiểm	3	S	**2**	1-9	B1.304	TC	11/4/2023	S1	1			PM	K36	TC	TC - 04	
6	FIN312	D03	Bảo hiểm	3	C	**3**	1-9	B1.302	TC	11/4/2023	S2	1			PM	K36	TC	TC - 06	
7	FIN312	D04	Bảo hiểm	3	S	**3**	1-9	B1.302	TC	11/4/2023	S2	1			PM	K36	KTQT	KTQT	
8	FIN312	D05	Bảo hiểm	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.205	TC	03/7/2023	S1	2			PM	K36	KTQT	KTQT	
9	FIN312	D06	Bảo hiểm	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.205	TC	03/7/2023	S2	2			PM	K36	KTQT	KTQT	
10	FIN312	D07	Bảo hiểm	3	S	**5**	1-9	B1.406	TC	11/4/2023	S2	1			PM	K37	TCNH	TC - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
11	FIN312	D08	Bảo hiểm	3	C	**5**	1-9	B1.406	TC	11/4/2023	S3	1			PM	K37	TCNH	TC - 02	
12	FIN312	D09	Bảo hiểm	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.405	TC	03/7/2023	S2	2			PM	K37	TCNH	TC - 03	
13	FIN312	D10	Bảo hiểm	3	C	**6**	12-20	A101	TC	03/7/2023	S1	2			PM	K37	TCNH	TC - 04	
14	FIN312	D11	Bảo hiểm	3	S	**6**	12-20	B1.406	TC	03/7/2023	S3	2			PM	K37	TCNH	TC - 05	
15	INE315	D01	Chính sách thương mại quốc tế	3	S	**5**	13-21	B1.302	KTQT	07/7/2023	2	2				K37	KTQT	KTQT - 01	
16	MLM308	D01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	S	**3**	1-6	B1.105	LLCT	13/4/2023	3	1				K36	QTKD	QT	
17	MLM308	D02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	C	**3**	1-6	B1.106	LLCT	13/4/2023	3	1				K36	DIG	DIG - 1	
18	MLM308	D03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	S	**4**	12-13,15-18	B1.103	LLCT	04/7/2023	1	2				K36	DIG	DIG - 2	
19	ITS302	D01	Cơ sở dữ liệu	3	S	**3** **6**	1-9 1-3	C201 C204	HTTTQL	01/4/2023	S3	1		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
20	ITS302	D02	Cơ sở dữ liệu	3	C	**3** **7**	1-9 1,3-4	C305	HTTTQL	01/4/2023	C1	1		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
21	ITS302	D03	Cơ sở dữ liệu	3	S C	**3** **6**	15-21 15-19	C204 C305	HTTTQL	05/7/2023	C1	2		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
22	ITS302	D04	Cơ sở dữ liệu	3	C	**3** **7**	15-21 14-18	C205 C203	HTTTQL	05/7/2023	C2	2		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
23	ITS302	D05	Cơ sở dữ liệu	3	C S	**5** **7**	1-5 1,3-8	C205 C203	HTTTQL	01/4/2023	C1	1		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
24	SOC301	D01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	S	**6**	1-6	A005	LLCT	29/3/2023	3	1				K38	KT	KT	Tự chọn
25	SOC301	D02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	C	**6**	1-6	A005	LLCT	29/3/2023	3	1				K38	NNA	NNA	Tự chọn
26	SOC301	D03	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	S	**5**	14-19	A203	LLCT	04/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA	Tự chọn
27	ITS315	D01	Core banking và ngân hàng điện tử	3	C	**2** **6**	1-9 1-3	C305 C203	HTTTQL	10/4/2023	C2	1		PM	PM	K36	NH	NH	Tự chọn
28	ITS315	D02	Core banking và ngân hàng điện tử	3	S	**2** **6**	1-9 1-3	C301 C305	HTTTQL	10/4/2023	C2	1		PM	PM	K36	NH	NH	Tự chọn
29	ITS315	D03	Core banking và ngân hàng điện tử	3	C	**5** **3**	13-21 12-13,15	C301	HTTTQL	04/7/2023	C1	2		PM	PM	K37	NH	NH	Tự chọn Hướng NH số
30	MAG318	D01	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	S	**5**	13-21	B1.403	QTKD	04/7/2023	3	2				K37	LOGISTICS	LOGISTICS	Tự chọn
31	ELI307	D01	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	S	**2**	1-6	A008	NN	30/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
32	ELI307	D02	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	C	**2**	1-6	A008	NN	30/3/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 02	
33	ELI307	D03	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	S	**3**	1-6	A006	NN	30/3/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 08	
34	ELI307	D04	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	C	**3**	1-6	A006	NN	30/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 04	
35	ELI307	D05	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	S	**3**	15-20	A005	NN	03/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 05	
36	ELI307	D06	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	C	**3**	15-20	A005	NN	03/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 06	
37	ELI307	D07	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	S	**5**	14-19	A204	NN	03/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 07	
38	ELI307	D08	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	C	**5**	14-19	A204	NN	03/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 03	
39	MAG702	D01	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.401	QTKD	07/7/2023	3	2				K37	DIG	DIG - 01	
40	MAG702	D02	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.401	QTKD	07/7/2023	3	2				K37	DIG	DIG - 02	
41	FIN309	D01	Đầu tư tài chính	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.204	TC	06/7/2023	1	2				K36	TC	TC - 01	
42	FIN309	D02	Đầu tư tài chính	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.204	TC	06/7/2023	1	2				K36	TC	TC - 02	
43	FIN309	D03	Đầu tư tài chính	3	S	**5**	13-21	B1.205	TC	06/7/2023	2	2				K36	TC	TC - 03,06	
44	FIN309	D04	Đầu tư tài chính	3	C	**5**	13-21	B1.205	TC	06/7/2023	2	2				K36	TC	TC - 04,05	
45	ITS320	D01	Đồ án chuyên ngành hệ thống thông tin doanh nghiệp	3			4-13		HTTTQL							K35	HTTTQL	HTTTQL	
46	ITS727	D01	Đồ án chuyên ngành HTTT kinh doanh và chuyển đổi số	3			4-13		HTTTQL							K36	HTTTKD	HTTTKD - 1	
47	ITS703	D01	Đồ án chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử	3			4-13		HTTTQL							K36	QTTMĐT	QTTMĐT	Tự chọn
48	ITS321	D01	Đồ án chuyên ngành thương mại điện tử	3			4-13		HTTTQL							K35	HTTTQL	TMĐT	
49	ITS724	D01	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	S	**2** **6**	12-13,15-21 12-14	C301	HTTTQL	04/7/2023	C1	2		PM	PM	K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
50	ITS724	D02	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	C	**4** **6**	1-8 5-8	C305	HTTTQL	10/4/2023	S3	1		PM	PM	K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
51	ITS724	D03	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	S	**4** **6**	1-8 5-8	C305	HTTTQL	10/4/2023	S3	1		PM	PM	K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
52	ITS724	D04	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	C	**3** **7**	1-9 1,3-4	C201 C204	HTTTQL	01/4/2023	C2	1		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
53	ITS724	D05	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	S	**3** **7**	1-9 1,3-4	C301 C305	HTTTQL	01/4/2023	C2	1		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
54	ITS724	D06	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	S	**2** **7**	17-21 14-19,21	C201 C204	HTTTQL	04/7/2023	C1	2		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
55	ITS724	D07	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	S	**3** **6**	15-18 14-21	C205	HTTTQL	04/7/2023	C2	2		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
56	ITS724	D08	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	C	**5** **6**	14-19 16-21	C205 C201	HTTTQL	04/7/2023	C2	2		PM	PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
57	ENB313	D01	Giao tiếp liên văn hóa	3	S	**6** **7**	13 12, 14-19,21	B1.105 B1.103	NN	05/7/2023	3	2				K36	NNA	NNA	Tự chọn
58	MKE302	D01	Hành vi khách hàng	3	S	**5**	13-21	B1.404	QTKD	04/7/2023	3	2				K37	QTKD	QTKD	Tự chọn tổ hợp 1
59	ITS705	D01	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	S	**7** **3**	1, 3-8 2-3	C301 C205	HTTTQL	10/4/2023	3	1		PM		K37	HTTTKD	HTTTKD - 01	
60	ITS705	D02	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	C	**7** **3**	1, 3-8 2-3	C301 C205	HTTTQL	10/4/2023	3	1		PM		K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
61	ITS705	D03	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	S	**2**	12-13,15-21	C305	HTTTQL	03/7/2023	2	2		PM		K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
62	ITS725	D01	Hệ thống thanh toán điện tử	2	S	**6**	1-6	B1.101	HTTTQL	15/4/2023	3	1				K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
63	ITS725	D02	Hệ thống thanh toán điện tử	2	C	**6**	12-17	B1.101	HTTTQL	03/7/2023	3	2				K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
64	ACC309	D01	Hệ thống thông tin kế toán	3	S	**5** **7**	3 1, 3-9	B1.202 B1.205	KTKT	10/4/2023	2	1				K37	KTKT	KTKT - 02	
65	ACC309	D02	Hệ thống thông tin kế toán	3	C	**4** **7**	1 1, 3-9	B1.205 B1.202	KTKT	10/4/2023	2	1				K37	KTKT	KTKT - 01	
66	ACC309	D03	Hệ thống thông tin kế toán	3	S	**5**	13-21	B1.206	KTKT	03/7/2023	3	2				K37	KTKT	KTKT - 03	
67	ACC309	D04	Hệ thống thông tin kế toán	3	C	**5**	13-21	B1.206	KTKT	03/7/2023	4	2				K37	KTKT	KTKT - 04	
68	ITS304	D01	Hệ thống thông tin quản lý	3	S	**2** **4**	8 1-8	A308 A001	HTTTQL	31/3/2023	S1	1			PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
69	ITS304	D02	Hệ thống thông tin quản lý	3	C	**4** **2**	1-8 7	A001 A308	HTTTQL	31/3/2023	S2	1			PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
70	ITS304	D03	Hệ thống thông tin quản lý	3	C S	**5** **6**	14 14-21	A308 A001	HTTTQL	07/7/2023	S2	2			PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
71	ITS304	D04	Hệ thống thông tin quản lý	3	C	**6** **7**	14-21 19	A001 A308	HTTTQL	07/7/2023	S1	2			PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
72	ITS304	D05	Hệ thống thông tin quản lý	3	S	**3**	1-9	A001	HTTTQL	31/3/2023	S1	1			PM	K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
73	BAF301	D01	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	S	**4**	1-9	B1.402	NH	12/4/2023	1	1				K37	NH	NH - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
74	BAF301	D02	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	C	**4**	1-9	B1.402	NH	12/4/2023	1	1				K37	NH	NH - 02	
75	BAF301	D03	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	S	**4**	1-9	B1.403	NH	12/4/2023	1	1				K37	CNTC	CNTC_1	
76	BAF301	D04	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	C	**4**	1-9	B1.403	NH	12/4/2023	1	1				K37	CNTC	CNTC_2	
77	BAF301	D05	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	S	**6**	1-9	B1.401	NH	12/4/2023	1	1				K37	KTKT	KTKT	ự chọn Hướng truyền thốn
78	BAF301	D06	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.205	NH	08/7/2023	3	2				K37	KTKT	KTKT	ự chọn Hướng truyền thốn
79	DAT704	D01	Học máy	3	S	**3** **5**	1-8 5-8	A102 C301	Toán kinh tế	11/4/2023	1	1		PM 4B		K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
80	DAT704	D02	Học máy	3	C	**3** **3** **5**	1-5 6-9 1-3	A102 C205 A102	Toán kinh tế	11/4/2023	1	1		PM 4B		K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
81	DAT704	D03	Học máy	3	S	**5** **5** **7**	13-17 18-21 14-16	A102 C205 A102	Toán kinh tế	04/7/2023	1	2		PM 4B		K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TCĐL&QTRR
82	GYM302	D01	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**2**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	29/05/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
83	GYM302	D02	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**2**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	29/05/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
84	GYM302	D03	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
85	GYM302	D04	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
86	GYM302	D05	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**4**	1-6 7-8, 15-18	San1	GDTC	07/06/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
87	GYM302	D06	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**4**	1-6 7-8, 15-18	San1	GDTC	07/06/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
88	GYM302	D07	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**5**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	01/06/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
89	GYM302	D08	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**5**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	01/06/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
90	GYM302	D09	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**6**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	02/06/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
91	GYM302	D10	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**6**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	02/06/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
92	GYM302	D11	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**7**	1, 3-7 8, 14-18	San1	GDTC	10/06/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
93	GYM302	D12	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**7**	1, 3-7 8, 14-18	San1	GDTC	10/06/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
94	GYM302	D13	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**2**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	29/05/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
95	GYM302	D14	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**2**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	29/05/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
96	GYM302	D15	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			
97	GYM302	D16	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	4	2	Điền kinh 2			K38			
98	GYM302	D17	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**4**	1-6 7-8, 15-18	San1	GDTC	07/06/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			
99	GYM302	D18	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**4**	1-6 7-8, 15-18	San1	GDTC	07/06/2023	4	2	Điền kinh 2			K38			
100	GYM302	D19	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**5**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	01/06/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			
101	GYM302	D20	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**5**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	01/06/2023	4	2	Điền kinh 2			K38			
102	GYM302	D21	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**6**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	02/06/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			
103	GYM302	D22	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**6**	1-6 7-8, 14-17	San1	GDTC	02/06/2023	4	2	Điền kinh 2			K38			
104	GYM302	D23	Học phần GDTC 2	1	4-5 1-3	**7**	1, 3-7 8, 14-18	San1	GDTC	10/06/2023	2	2	Điền kinh 2			K38			
105	GYM302	D24	Học phần GDTC 2	1	9-10 6-8	**7**	1, 3-7 8, 14-18	San1	GDTC	10/06/2023	4	2	Điền kinh 2			K38			
106	GYM302	D25	Học phần GDTC 2	1	1-3 4-5	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	1	2	Điền kinh 2			K38			
107	GYM302	D26	Học phần GDTC 2	1	6-8 9-10	**3**	1-6 7-9,15-17	San1	GDTC	30/05/2023	3	2	Điền kinh 2			K38			
108	GYM304	D01	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	1	2	Bóng bàn 2			K37			
109	GYM304	D02	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	2	2	Bóng bàn 2			K37			
110	GYM304	D03	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	3	2	Bóng bàn 2			K37			
111	GYM304	D04	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	4	2	Bóng bàn 2			K37			
112	GYM304	D05	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	1	2	Bóng chuyền 2			K37			
113	GYM304	D06	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	2	2	Bóng chuyền 2			K37			
114	GYM304	D07	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	3	2	Bóng chuyền 2			K37			
115	GYM304	D08	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	4	2	Bóng chuyền 2			K37			

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
116	GYM304	D09	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	1	2	Bóng chuyền 2			K37			
117	GYM304	D10	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	2	2	Bóng chuyền 2			K37			
118	GYM304	D11	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	3	2	Bóng chuyền 2			K37			
119	GYM304	D12	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	4	2	Bóng chuyền 2			K37			
120	GYM304	D13	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**4**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	17/05/2023	1	2	Bóng chuyền 2			K37			
121	GYM304	D14	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**4**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	17/05/2023	2	2	Bóng chuyền 2			K37			
122	GYM304	D15	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	1	2	Bóng chuyền 2			K37			
123	GYM304	D16	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	2	2	Bóng chuyền 2			K37			
124	GYM304	D17	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	3	2	Bóng chuyền 2			K37			
125	GYM304	D18	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	4	2	Bóng chuyền 2			K37			
126	GYM304	D19	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	3	2	Bóng chuyền 2			K37			
127	GYM304	D20	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	4	2	Bóng chuyền 2			K37			
128	GYM304	D21	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	1	2	Bóng chuyền 2			K37			
129	GYM304	D22	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**5**	1-6 7-9, 13-15	San1	GDTC	18/05/2023	3	2	Bóng đá 2			K37			
130	GYM304	D23	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	3	2	Bóng đá 2			K37			
131	GYM304	D24	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	1	2	Bóng đá 2			K37			
132	GYM304	D25	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	2	2	Bóng đá 2			K37			
133	GYM304	D26	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	1	2	Cầu lông 2			K37			
134	GYM304	D27	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	2	2	Cầu lông 2			K37			
135	GYM304	D28	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	3	2	Cầu lông 2			K37			
136	GYM304	D29	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**3**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	16/05/2023	4	2	Cầu lông 2			K37			

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
137	GYM304	D30	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	1	2	Cầu lông 2			K37			
138	GYM304	D31	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	2	2	Cầu lông 2			K37			
139	GYM304	D32	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	3	2	Cầu lông 2			K37			
140	GYM304	D33	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**6**	1-6 7-9, 12-14	San1	GDTC	12/05/2023	4	2	Cầu lông 2			K37			
141	GYM304	D34	Học phần GDTC 4	1	1-3 4-5	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	1	2	Cầu lông 2			K37			
142	GYM304	D35	Học phần GDTC 4	1	4-5 1-3	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	2	2	Cầu lông 2			K37			
143	GYM304	D36	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	3	2	Cầu lông 2			K37			
144	GYM304	D37	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**7**	1, 3-7 8 -9, 12, 14 -16	San1	GDTC	27/05/2023	4	2	Cầu lông 2			K37			
145	GYM304	D38	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	3	2		Karate 2		K37			
146	GYM304	D39	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**2**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	15/05/2023	4	2		Karate 2		K37			
147	GYM304	D40	Học phần GDTC 4	1	6-8 9-10	**4**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	17/05/2023	4	2		Karate 2		K37			
148	GYM304	D41	Học phần GDTC 4	1	9-10 6-8	**4**	1-6 7-9,12-13,15	San1	GDTC	17/05/2023	4	2		Karate 2		K37			
149	LAW334	D01	Hợp đồng thương mại	3	S	**2**	1-9	B1.201	LKT	13/4/2023	1	1				K36	LKT	LKT - 01	
150	LAW334	D02	Hợp đồng thương mại	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.106	LKT	04/7/2023	3	2				K36	LKT	LKT - 03	
151	LAW334	D03	Hợp đồng thương mại	3	C	**2**	1-9	B1.201	LKT	13/4/2023	1	1				K36	LKT	LKT - 02	
152	ACC702	D01	Kế toán Chi phí	3	S	**2**	1-9	B1.104	KTKT	13/4/2023	1	1				K36	KTKT	KT - 1	
153	ACC702	D02	Kế toán Chi phí	3	C	**2**	1-9	B1.104	KTKT	13/4/2023	1	1				K36	KTKT	KT - 2	
154	ACC702	D03	Kế toán Chi phí	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.101	KTKT	04/7/2023	1	2				K36	KTKT	KT - 3	
155	ACC702	D04	Kế toán Chi phí	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.101	KTKT	04/7/2023	1	2				K36	KTKT	KT - 4	
156	ACC305	D01	Kế toán công	3	S	**4**	1-9	B1.302	KTKT	11/4/2023	4	1				K37	KTKT	KTKT	Tự chọn
157	ACC305	D02	Kế toán công	3	C	**4**	1-9	B1.302	KTKT	11/4/2023	4	1				K37	KTKT	KTKT	Tự chọn

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
158	ACC305	D03	Kế toán công	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.305	KTKT	04/7/2023	2	2				K37	KTKT	KTKT	Tự chọn
159	ACC305	D04	Kế toán công	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.305	KTKT	04/7/2023	2	2				K37	KTKT	KTKT	Tự chọn
160	ACC306	D01	Kế toán ngân hàng	3	C	**3**	1-9	B1.104	KTKT	10/4/2023	C1	1			PM	K36	NH	NH - 01	
161	ACC306	D02	Kế toán ngân hàng	3	S	**4**	1-9	B1.102	KTKT	10/4/2023	C1	1			PM	K36	NH	NH - 02	
162	ACC306	D03	Kế toán ngân hàng	3	C	**4**	1-9	B1.103	KTKT	10/4/2023	C1	1			PM	K36	NH	NH - 04	
163	ACC306	D04	Kế toán ngân hàng	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.101	KTKT	03/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 06	
164	ACC306	D05	Kế toán ngân hàng	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.103	KTKT	03/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 03	
165	ACC306	D06	Kế toán ngân hàng	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.102	KTKT	03/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 05	
166	ACC307	D01	Kế toán Quản trị	3	S	**6**	1-9	B1.303	KTKT	11/4/2023	C2	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 03	
167	ACC307	D02	Kế toán Quản trị	3	C	**6**	1-9	B1.303	KTKT	11/4/2023	C2	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 04	
168	ACC307	D03	Kế toán Quản trị	3	S	**6**	12-20	B1.205	KTKT	04/7/2023	C3	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 01	
169	ACC307	D04	Kế toán Quản trị	3	C	**6**	12-20	B1.205	KTKT	04/7/2023	C3	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 02	
170	ACC318	D01	Kế toán quốc tế 2	3	S	**5**	1-9	B1.101	KTKT	13/4/2023	2	1				K35	KTKT	KT	
171	ACC705	D01	Kế toán tài chính	3	S	**6** **7**	17 12, 14-19,21	B1.105 B1.203	KTKT	05/7/2023	C1	2			PM	K37	NH	NH - 02	
172	ACC705	D02	Kế toán tài chính	3	C	**6** **7**	19 12, 14-19,21	B1.105 B1.203	KTKT	05/7/2023	C1	2			PM	K37	NH	NH - 01	
173	ACC705	D03	Kế toán tài chính	3	S	**2**	1-9	B1.305	KTKT	14/4/2023	C1	1			PM	K37	CNTC	CNTC_1	
174	ACC705	D04	Kế toán tài chính	3	C	**2**	1-9	B1.305	KTKT	14/4/2023	C1	1			PM	K37	CNTC	CNTC_2	
175	ACC705	D05	Kế toán tài chính	3	S	**5** **7**	14 12, 14-19,21	B1.202 B1.204	KTKT	05/7/2023	C2	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 01	
176	ACC705	D06	Kế toán tài chính	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.205	KTKT	05/7/2023	C2	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 02	
177	ACC705	D07	Kế toán tài chính	3	S	**5**	1-9	B1.302	KTKT	14/4/2023	C2	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 03	
178	ACC705	D08	Kế toán tài chính	3	C	**5**	1-9	B1.302	KTKT	14/4/2023	C2	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 04	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
179	MAG317	D01	Khởi nghiệp kinh doanh	3	S	**2**	1-9	B1.303	QTKD	11/4/2023	1	1				K36	TC	TC - 03	Tự chọn
180	MAG317	D02	Khởi nghiệp kinh doanh	3	C	**2**	1-9	B1.303	QTKD	11/4/2023	1	1				K36	TC	TC - 04	Tự chọn
181	MAG317	D03	Khởi nghiệp kinh doanh	3	C	**3**	1-9	B1.406	QTKD	11/4/2023	2	1				K36	NH	NH	Tự chọn
182	DIM703	D01	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	C	**4**	1-9	B1.301	QTKD	11/4/2023	2	1				K36	KTQT	KTQT	
183	DIM703	D02	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.202	QTKD	08/7/2023	1	2				K36	KTQT	KTQT	
184	AUD302	D01	Kiểm soát nội bộ	3	S	**5**	1-9	B1.105	KTKT	15/4/2023	1	1				K36	KTKT	KT - 1	
185	AUD302	D02	Kiểm soát nội bộ	3	C	**5**	1-9	B1.105	KTKT	15/4/2023	1	1				K36	KTKT	KT - 2	
186	AUD302	D03	Kiểm soát nội bộ	3	S	**5**	13-21	B1.101	KTKT	05/7/2023	3	2				K36	KTKT	KT - 3	
187	AUD302	D04	Kiểm soát nội bộ	3	C	**5**	13-21	B1.103	KTKT	05/7/2023	3	2				K36	KTKT	KT - 4	
188	AUD301	D01	Kiểm toán căn bản	3	S	**6**	1-9	B1.102	KTKT	15/4/2023	C1	1			PM	K36	TC	TC - 01	Tự chọn
189	AUD301	D02	Kiểm toán căn bản	3	C	**6**	1-9	B1.101	KTKT	15/4/2023	C1	1			PM	K36	TC	TC - 02	Tự chọn
190	AUD303	D01	Kiểm toán doanh nghiệp	3	S	**2**	1-9	B1.101	KTKT	14/4/2023	C3	1			PM	K35	KTKT	KT	
191	AUD304	D01	Kiểm toán ngân hàng	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.102	KTKT	05/7/2023	4	2				K36	NH	NH	Tự chọn
192	AUD304	D02	Kiểm toán ngân hàng	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.104	KTKT	05/7/2023	4	2				K36	KTKT	KT - 1	
193	AUD304	D03	Kiểm toán ngân hàng	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.105	KTKT	05/7/2023	4	2				K36	KTKT	KT - 2	
194	AUD304	D04	Kiểm toán ngân hàng	3	C	**2**	1-9	B1.105	KTKT	15/4/2023	2	1				K36	KTKT	KT - 3	
195	AUD304	D05	Kiểm toán ngân hàng	3	S	**2**	1-9	B1.105	KTKT	15/4/2023	2	1				K36	KTKT	KT - 4	
196	ITS707	D01	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý	1			6-9		HTTTQL							K37	HTTTKD	HTTTKD	
197	ITS707	D02	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý	1			6-9		HTTTQL							K37	QTTMĐT	QTTMĐT	
198	ITS707	D03	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý	1			6-9		HTTTQL							K37	QTTMĐT	QTTMĐT	
199	BAF302	D01	Kinh doanh ngoại hối	3	C	**2**	1-9	B1.203	NH	13/4/2023	1	1				K36	NH	NH - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
200	BAF302	D02	Kinh doanh ngoại hối	3	S	**2**	1-9	B1.202	NH	13/4/2023	1	1				K36	NH	NH - 05	
201	BAF302	D03	Kinh doanh ngoại hối	3	C	**4**	1-9	B1.106	NH	13/4/2023	1	1				K36	NH	NH - 03	
202	BAF302	D04	Kinh doanh ngoại hối	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.103	NH	06/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 04	
203	BAF302	D05	Kinh doanh ngoại hối	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.103	NH	06/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 02	
204	BAF302	D06	Kinh doanh ngoại hối	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.103	NH	06/7/2023	1	2				K36	NH	NH - 06	
205	INE306	D01	Kinh doanh quốc tế	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.102	KTQT	06/7/2023	2	2				K36	NH	NH	Tự chọn
206	INE306	D02	Kinh doanh quốc tế	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.206	KTQT	06/7/2023	2	2				K37	KDQT	KDQT - 02	
207	INE306	D03	Kinh doanh quốc tế	3	S	**4**	1-9	B1.202	KTQT	14/4/2023	1	1				K37	KDQT	KDQT - 03	
208	INE306	D04	Kinh doanh quốc tế	3	C	**3**	1-9	B1.203	KTQT	14/4/2023	1	1				K37	KDQT	KDQT - 01	
209	MES306	D01	Kinh tế học công cộng	3	S	**2** **6**	15-21 15-16	A002 A308	KTQT	06/7/2023	1	2				K38	KTQT	KTQT	Tự chọn
210	MES306	D02	Kinh tế học công cộng	3	C	**2** **6**	15-21 14-15	A002 A308	KTQT	06/7/2023	1	2				K38	KTQT	KTQT	Tự chọn
211	MES307	D01	Kinh tế học đầu tư	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.202	KTQT	07/7/2023	3	2				K37	KDQT	KDQT	Tự chọn
212	MES307	D02	Kinh tế học đầu tư	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.306	KTQT	07/7/2023	3	2				K37	KDQT	KDQT	Tự chọn
213	INE301	D01	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	S	**2**	1-9	B1.206	KTQT	15/4/2023	3	1				K37	KTQT	KTQT	Tự chọn
214	INE301	D02	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	C	**4**	1-9	B1.303	KTQT	15/4/2023	3	1				K37	KDQT	KDQT	Tự chọn
215	MES305	D01	Kinh tế học phát triển	3	S	**5** **6**	14-21 17	A001 A308	KTQT	07/7/2023	4	2				K38	KTQT	KTQT	Tự chọn
216	MES305	D02	Kinh tế học phát triển	3	C	**5** **6**	14-21 17	A002 A308	KTQT	07/7/2023	4	2				K38	KTQT	KTQT	Tự chọn
217	INE302	D01	Kinh tế học quốc tế	3	S	**2** **5**	18 14-21	A308 A002	KTQT	05/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 02	
218	INE302	D02	Kinh tế học quốc tế	3	C	**5** **7**	14-21 21	A003 A308	KTQT	05/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 03	
219	INE302	D03	Kinh tế học quốc tế	3	S	**6** **7**	14-21 21	A003 A308	KTQT	05/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 04	
220	INE302	D04	Kinh tế học quốc tế	3	C	**5** **6**	15 14-21	A308 A003	KTQT	05/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 05	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
221	INE302	D05	Kinh tế học quốc tế	3	C	**6** **7**	19-20 14-19,21	A308 A001	KTQT	05/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 01	
222	MES302	D01	Kinh tế học vi mô	3	S	**2** **6**	6 1-8	A308 A001	KTQT	30/3/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 01	
223	MES302	D02	Kinh tế học vi mô	3	C	**3** **6**	7 1-8	A308 A001	KTQT	30/3/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 02	
224	MES302	D03	Kinh tế học vi mô	3	S	**6** **7**	5-6 1, 3-8	A308 A002	KTQT	30/3/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 03	
225	MES302	D04	Kinh tế học vi mô	3	S	**2** **7**	1-2 1, 3-8	A308 A007	KTQT	30/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 02	
226	MES302	D05	Kinh tế học vi mô	3	S	**2**	1-9	A002	KTQT	30/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 01	
227	MES302	D06	Kinh tế học vi mô	3	C	**2**	1-9	A002	KTQT	30/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 03	
228	MES302	D07	Kinh tế học vi mô	3	S	**5** **4**	1 1-8	A308 A003	KTQT	30/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 04	
229	MES302	D08	Kinh tế học vi mô	3	S C	**4** **7**	7-8 1, 3-8	A308 A001	KTQT	30/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 05	
230	MES302	D09	Kinh tế học vi mô	3	S	**5** **7**	14-15 14-19,21	A003 A001	KTQT	05/7/2023	1	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
231	MES302	D10	Kinh tế học vi mô	3	C	**5** **2**	3-8 1-3	A002 A003	KTQT	30/3/2023	2	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
232	MES302	D11	Kinh tế học vi mô	3	S	**2** **5**	15-21 15-16	A003 A004	KTQT	05/7/2023	1	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
233	MES302	D12	Kinh tế học vi mô	3	C	**3** **4**	15-16 15-21	A308 A001	KTQT	05/7/2023	1	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
234	MES302	D13	Kinh tế học vi mô	3	S	**4** **5**	15-21 19-20	A001 A308	KTQT	05/7/2023	1	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
235	MES303	D01	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**4** **5**	1-8 1	A003 A002	KTQT	01/4/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 01	
236	MES303	D02	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**5** **6**	1-8 2	A002 A308	KTQT	01/4/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 02	
237	MES303	D03	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**5** **6**	1-8 1	A003 A308	KTQT	01/4/2023	1	1				K38	QTKD	QTKD - 03	
238	MES303	D04	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**5** **6**	7 1-8	A001 A002	KTQT	01/4/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 01	
239	MES303	D05	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**5** **6**	7 1-8	A001 A002	KTQT	01/4/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 04	
240	MES303	D06	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**3**	1-9	A001	KTQT	01/4/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 05	
241	MES303	D07	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**3** **5**	7 1-8	A002 A004	KTQT	01/4/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 03	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
242	MES303	D08	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**2** **5**	8 1-8	A003 A003	KTQT	01/4/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 02	
243	MES303	D09	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**3** **6**	17 14-21	A002 A004	KTQT	08/7/2023	3	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
244	MES303	D10	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**5** **6**	14 14-21	A004 A004	KTQT	08/7/2023	3	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
245	MES303	D11	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**2** **5**	15-21 16-17	A004 A005	KTQT	08/7/2023	3	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
246	MES303	D12	Kinh tế học vĩ mô	3	S	**5** **7**	15-16 14-19,21	A006 A002	KTQT	08/7/2023	4	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
247	MES303	D13	Kinh tế học vĩ mô	3	C	**5** **7**	17-18 14-19,21	A004 A002	KTQT	08/7/2023	4	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
248	ECE301	D01	Kinh tế lượng	3	S	**4** **5**	15-21 16-17	A201 A303	Toán kinh tế	04/7/2023	1	2				K38	TCNH	TCNH - 01	
249	ECE301	D02	Kinh tế lượng	3	C	**3** **4**	15-16 15-21	A205 A201	Toán kinh tế	04/7/2023	1	2				K38	TCNH	TCNH - 02	
250	ECE301	D03	Kinh tế lượng	3	S	**4** **5**	20 14-21	A202 A304	Toán kinh tế	04/7/2023	1	2				K38	TCNH	TCNH - 03	
251	ECE301	D04	Kinh tế lượng	3	C	**4** **5**	15 14-21	A007 A202	Toán kinh tế	04/7/2023	2	2				K38	TCNH	TCNH - 04	
252	ECE301	D05	Kinh tế lượng	3	S	**3** **5**	15-21 14-15	A203 A302	Toán kinh tế	04/7/2023	2	2				K38	TCNH	TCNH - 05	
253	ECE301	D06	Kinh tế lượng	3	C	**2** **3**	15-16 15-21	A202 A206	Toán kinh tế	04/7/2023	2	2				K38	TCNH	TCNH - 06	
254	ECE301	D07	Kinh tế lượng	3	S	**3** **6**	15 14-21	A007 A305	Toán kinh tế	04/7/2023	2	2				K38	TCNH	TCNH - 07	
255	ECE301	D08	Kinh tế lượng	3	C	**5** **6**	18 14-21	A203 A205	Toán kinh tế	04/7/2023	2	2				K38	TCNH	TCNH - 08	
256	INE701	D01	Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)	3	S	**6**	1-9	C203	KTQT	14/4/2023	2	1		PM		K37	KTQT	KTQT - 01	
257	MES312	D01	Kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính	2	S	**6**	1-6	B1.304	KTQT	10/4/2023	1	1				K37	NH	NH - 01	
258	MES312	D02	Kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính	2	C	**3**	12-13,15-18	B1.206	KTQT	08/7/2023	4	2				K37	NH	NH - 02	
259	MES309	D01	Kinh tế thị trường mới nổi	3	S	**5**	1-9	B1.102	KTQT	10/4/2023	1	1				K35	KTQT		
260	INE703	D01	Kinh tế vi mô 2	3	C	**3**	1-9	B1.205	KTQT	14/4/2023	3	1				K37	KTQT	KTQT - 01	
261	INE702	D01	Kinh tế vĩ mô 2	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.301	KTQT	08/7/2023	1	2				K37	KTQT	KTQT - 01	
262	INE702	D02	Kinh tế vĩ mô 2	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.206	KTQT	08/7/2023	1	2				K37	KDQT	KDQT - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
263	INE702	D03	Kinh tế vĩ mô 2	3	C	**6**	12-20	B1.206	KTQT	08/7/2023	2	2				K37	KDQT	KDQT - 02	
264	INE702	D04	Kinh tế vĩ mô 2	3	S	**6**	12-20	B1.206	KTQT	08/7/2023	2	2				K37	KDQT	KDQT - 03	
265	INE313	D01	Kinh tế vĩ mô quốc tế	3	C	**3**	1-9	B1.105	KTQT	15/4/2023	4	1				K36	KTQT	KTQT- 1,3	Tự chọn Định hướng 1
266	LAW335	D01	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	S	**3**	1-6	B1.104	LKT	10/4/2023	3	1				K36	LKT	LKT - 01	
267	LAW335	D02	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	C	**2**	12-13,15-18	B1.102	LKT	04/7/2023	3	2				K36	LKT	LKT - 02	
268	LAW335	D03	Kỹ năng thực hành nghề luật	2	C	**3**	1-6	B1.202	LKT	10/4/2023	3	1				K36	LKT	LKT - 03	
269	ENS347	D01	Kỹ năng thuyết trình	3	S	**3**	1-9	B1.405	NN	11/4/2023	2	1		VĐ		K37	NNA	NNA - 06	
270	ENS347	D02	Kỹ năng thuyết trình	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.302	NN	03/7/2023	3	2		VĐ		K37	NNA	NNA - 05	
271	ENS347	D03	Kỹ năng thuyết trình	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.302	NN	03/7/2023	3	2		VĐ		K37	NNA	NNA - 04	
272	MAG304	D01	Lãnh đạo	3	S	**4**	1-9	B1.104	QTKD	13/4/2023	3	1				K36	DIG	DIG - 2	Tự chọn
273	MAG304	D02	Lãnh đạo	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.203	QTKD	06/7/2023	1	2				K36	DIG	DIG - 3	Tự chọn
274	DIM704	D01	Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại số	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.203	QTKD	06/7/2023	1	2				K36	DIG	DIG - 1	
275	DIM704	D02	Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại số	3	S	**6**	1-9	B1.206	QTKD	14/4/2023	1	1				K36	DIG	DIG - 2	
276	DIM704	D03	Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại số	3	C	**6**	1-9	B1.206	QTKD	14/4/2023	1	1				K36	DIG	DIG - 3	
277	ITS326	D01	Lập trình hướng đối tượng	3	C	**4** **5**	1-4 1-8	C201	HTTTQL	11/4/2023	3	1		PM		K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
278	ITS326	D02	Lập trình hướng đối tượng	3	C	**2** **4**	12-13,15-21 16-18	C201	HTTTQL	08/7/2023	2	2		PM		K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
279	ITS326	D03	Lập trình hướng đối tượng	3	C	**6** **5**	15-17 13-21	C301 C201	HTTTQL	08/7/2023	1	2		PM		K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	
280	ITS326	D04	Lập trình hướng đối tượng	3	S	**2** **3**	12-13,15 12-13,15-21	C201	HTTTQL	08/7/2023	2	2		PM		K37	HTTTKD	HTTTKD - 01	
281	DAT708	D01	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	S	**5** **5** **2**	13-17 18-21 19-21	A103 C301 A103	Toán kinh tế	03/7/2023	3	2		PM 4B		K37	NH	NH	Tự chọn Hướng NH số
282	DAT708	D02	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	S	**3** **5**	1-8 5-8	A103 C201	Toán kinh tế	12/4/2023	1	1		PM 4B		K37	LKT	LKT	ự chọn Tự chọn HƯỚNG I
283	DAT717	D01	Lập trình R trong thống kê	2	C	**5**	1-6	A103	Toán kinh tế	12/4/2023	4	1		PM 4B		K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
284	MES301	D01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	C	**3** **6**	15-21 15-16	A003 A005	KTQT	06/7/2023	1	2				K38	KTQT	KTQT	Tự chọn
285	MLM309	D01	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	**4**	1-6	B1.103	LLCT	13/4/2023	C3	1			PM	K36	QTKD	QT - 01	
286	MLM309	D02	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	C	**3**	12-13,15-18	B1.103	LLCT	04/7/2023	S2	2			PM	K36	QTKD	QT - 02	
287	MLM309	D03	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	C	**4**	1-6	B1.105	LLCT	13/4/2023	C3	1			PM	K36	DIG	DIG - 1	
288	MLM309	D04	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	S	**3**	12-13,15-18	B1.101	LLCT	04/7/2023	S3	2			PM	K36	DIG	DIG - 2	
289	LAW303	D01	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	C	**7**	14-19	A003	LKT	04/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT	Tự chọn
290	MLM305	D01	Logic học	2	S	**5**	1-6	A007	LLCT	29/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA	Tự chọn
291	MLM305	D02	Logic học	2	C	**5**	1-6	A007	LLCT	29/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA	Tự chọn
292	ITS723	D01	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	C	**5**	14-19	A001	HTTTQL	05/7/2023	C3	2			PM	K38	KT	KT	Tự chọn
293	INE305	D01	Logistics quốc tế	3	C	**6**	1-9	A103	KTQT	10/4/2023	2	1		PM 1B		K37	KDQT	KDQT - 01	
294	INE305	D02	Logistics quốc tế	3	S	**6**	1-9	A103	KTQT	10/4/2023	2	1		PM 1B		K37	KDQT	KDQT - 02	
295	INE305	D03	Logistics quốc tế	3	C	**3**	12-13,15-21	A102	KTQT	07/7/2023	1	2		PM 1B		K37	KDQT	KDQT - 03	
296	LAW319	D01	Luật chứng khoán	3	S	**5**	1-9	B1.106	LKT	11/4/2023	1	1				K36	LKT	LKT - 02	
297	LAW319	D02	Luật chứng khoán	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.201	LKT	04/7/2023	4	2				K36	LKT	LKT - 01	
298	LAW319	D03	Luật chứng khoán	3	C	**5**	1-9	B1.106	LKT	11/4/2023	1	1				K36	LKT	LKT - 03	
299	LAW306	D01	Luật dân sự 1	3	C	**2** **4**	9 1-8	A003 A102	LKT	31/3/2023	2	1				K38	LKT	LKT - 01	
300	LAW306	D02	Luật dân sự 1	3	C	**3** **6**	2 1-8	A003 A003	LKT	31/3/2023	2	1				K38	LKT	LKT - 02	
301	LAW306	D03	Luật dân sự 1	3	S	**5** **7**	4-5 1, 3-8	A103 A004	LKT	31/3/2023	1	1				K38	LKT	LKT - 03	
302	LAW306	D04	Luật dân sự 1	3	C	**2** **7**	1-2 1, 3-8	A308 A002	LKT	31/3/2023	1	1				K38	LKT	LKT - 04	
303	LAW307	D01	Luật dân sự 2	3	S	**3** **5**	21 14-21	A308 A007	LKT	03/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 01	
304	LAW307	D02	Luật dân sự 2	3	C	**2** **5**	21 14-21	A308 A005	LKT	03/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
305	LAW307	D03	Luật dân sự 2	3	S	**2** **6**	21 14-21	A308 A005	LKT	03/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 03	
306	LAW307	D04	Luật dân sự 2	3	C	**3** **6**	19 14-21	A002 A006	LKT	03/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 04	
307	LAW336	D01	Luật đất đai	3	C	**5**	13-21	B1.302	LKT	05/7/2023	3	2				K37	LKT	LKT - 03	
308	LAW336	D02	Luật đất đai	3	C	**6** **7**	17 12, 14-19,21	B1.303 B1.106	LKT	05/7/2023	3	2				K37	LKT	LKT - 02	
309	LAW336	D03	Luật đất đai	3	S	**2** **7**	12 12, 14-19,21	B1.204 B1.205	LKT	05/7/2023	3	2				K37	LKT	LKT - 01	
310	LAW308	D01	Luật hành chính	3	S	**2**	1-9	A004	LKT	30/3/2023	3	1				K38	LKT	LKT - 03	
311	LAW308	D02	Luật hành chính	3	C	**2**	1-9	A004	LKT	30/3/2023	3	1				K38	LKT	LKT - 02	
312	LAW308	D03	Luật hành chính	3	S	**2** **3**	15-21 17-18	A005 A001	LKT	05/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT - 01	
313	LAW308	D04	Luật hành chính	3	C	**2** **3**	15-21 20-21	A005 A001	LKT	05/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT - 04	
314	LAW302	D01	Luật hiến pháp	3	S	**3**	1-9	A003	LKT	01/4/2023	C3	1			PM	K38	LKT	LKT - 04	
315	LAW302	D02	Luật hiến pháp	3	C	**3**	1-9	A004	LKT	01/4/2023	C3	1			PM	K38	LKT	LKT - 01	
316	LAW302	D03	Luật hiến pháp	3	S	**2** **3**	19-20 15-21	A006 A002	LKT	04/7/2023	S3	2			PM	K38	LKT	LKT - 03	
317	LAW302	D04	Luật hiến pháp	3	C	**2** **3**	19-20 15-21	A004 A004	LKT	04/7/2023	S3	2			PM	K38	LKT	LKT - 02	
318	LAW309	D01	Luật hình sự	3	S	**5** **7**	1-8 4	A005 A005	LKT	29/3/2023	4	1				K38	LKT	LKT - 01	
319	LAW309	D02	Luật hình sự	3	C	**3** **5**	3 1-8	A003 A006	LKT	29/3/2023	4	1				K38	LKT	LKT - 02	
320	LAW309	D03	Luật hình sự	3	S	**2** **5**	18 14-21	A006 A008	LKT	06/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 03	
321	LAW309	D04	Luật hình sự	3	C	**4** **5**	15-21 20-21	A002 A004	LKT	06/7/2023	3	2				K38	LKT	LKT - 04	
322	LAW304	D01	Luật kinh doanh	3	S	**5** **6**	1 1-8	A006 A004	LKT	29/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 06	
323	LAW304	D02	Luật kinh doanh	3	C	**4** **6**	2 1-8	A005 A004	LKT	29/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 02	
324	LAW304	D03	Luật kinh doanh	3	S	**6** **7**	7-8 1, 3-8	A005 A006	LKT	29/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 08	
325	LAW304	D04	Luật kinh doanh	3	C	**2** **7**	3-4 1, 3-8	A006 A003	LKT	29/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 04	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
326	LAW304	D05	Luật kinh doanh	3	S	**2**	1-9	A005	LKT	31/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 07	
327	LAW304	D06	Luật kinh doanh	3	C	**2**	1-9	A005	LKT	31/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 01	
328	LAW304	D07	Luật kinh doanh	3	S	**3**	1-9	A004	LKT	31/3/2023	C2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 05	
329	LAW304	D08	Luật kinh doanh	3	C	**5** **6**	14 14-21	A006 A007	LKT	08/7/2023	S1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 03	
330	LAW304	D09	Luật kinh doanh	3	S	**4** **6**	17 14-21	A002 A006	LKT	08/7/2023	S1	2			PM	K38	KT	KT - 01	
331	LAW304	D10	Luật kinh doanh	3	C	**4** **7**	15-16 14-19,21	A003 A004	LKT	08/7/2023	S2	2			PM	K38	KT	KT - 02	
332	LAW304	D11	Luật kinh doanh	3	S	**5** **7**	20-21 14-19,21	A003 A003	LKT	08/7/2023	S2	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 01	
333	LAW304	D12	Luật kinh doanh	3	C	**2** **5**	15-21 20-21	A003 A001	LKT	08/7/2023	S3	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 02	
334	LAW304	D13	Luật kinh doanh	3	S	**2** **5**	15-21 16-17	A007 A201	LKT	08/7/2023	S3	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 03	
335	LAW338	D01	Luật lao động	3	S	**6**	1-9	B1.103	LKT	10/4/2023	C3	1			PM	K36	LKT	LKT - 01	
336	LAW338	D02	Luật lao động	3	C	**5**	13-21	B1.104	LKT	04/7/2023	S3	2			PM	K36	LKT	LKT - 02	
337	LAW338	D03	Luật lao động	3	C	**6**	1-9	B1.102	LKT	10/4/2023	C3	1			PM	K36	LKT	LKT - 03	
338	LAW317	D01	Luật Ngân hàng	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.203	LKT	06/7/2023	4	2				K37	LKT	LKT - 01	
339	LAW317	D02	Luật Ngân hàng	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.301	LKT	06/7/2023	4	2				K37	LKT	LKT - 02	
340	LAW317	D03	Luật Ngân hàng	3	S	**6** **7**	17 12, 14-19,21	B1.202 B1.206	LKT	06/7/2023	4	2				K37	LKT	LKT - 03	
341	LAW311	D01	Luật thương mại 1	3	C	**5**	1-9	B1.301	LKT	11/4/2023	2	1				K37	LKT	LKT - 01	
342	LAW311	D02	Luật thương mại 1	3	S	**5**	1-9	B1.303	LKT	11/4/2023	2	1				K37	LKT	LKT - 02	
343	LAW311	D03	Luật thương mại 1	3	C	**4**	1-9	B1.305	LKT	11/4/2023	2	1				K37	LKT	LKT - 03	
344	LAW312	D01	Luật thương mại 2	3	S	**6**	12-20	B1.106	LKT	07/7/2023	1	2				K37	LKT	LKT - 01	
345	LAW312	D02	Luật thương mại 2	3	C	**6**	12-20	B1.302	LKT	07/7/2023	1	2				K37	LKT	LKT - 03	
346	LAW312	D03	Luật thương mại 2	3	S	**6**	12-20	B1.302	LKT	07/7/2023	1	2				K37	LKT	LKT - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
347	LAW709	D01	Luật và chính sách công	2	C	**5**	14-19	A007	LKT	07/7/2023	2	2				K38	LKT	LKT	Tự chọn
348	LAW709	D02	Luật và chính sách công	2	S	**5**	14-19	A202	LKT	07/7/2023	2	2				K38	LKT	LKT	Tự chọn
349	ENB312	D01	Lý thuyết biên dịch	2	S	**2**	1-6	B1.203	NN	11/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA - 01	
350	ENB312	D02	Lý thuyết biên dịch	2	C	**2**	1-6	B1.204	NN	11/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA - 02	
351	ENB312	D03	Lý thuyết biên dịch	2	S	**3**	1-6	B1.203	NN	11/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA - 03	
352	ENB312	D04	Lý thuyết biên dịch	2	C	**6**	1-6	A104	NN	11/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA - 04	
353	ENB312	D05	Lý thuyết biên dịch	2	S	**6**	1-6	B1.201	NN	11/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA - 05	
354	ENB322	D01	Lý thuyết dịch	2	C	**4**	1-6	A108	NN	10/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 04	
355	ENB322	D02	Lý thuyết dịch	2	C	**5**	1-6	B1.402	NN	10/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 02	
356	ENB322	D03	Lý thuyết dịch	2	S	**6**	1-6	B1.402	NN	10/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 03	
357	ENB322	D04	Lý thuyết dịch	2	C	**7**	12,14-18	B1.303	NN	04/7/2023	3	2				K37	NNA	NNA - 01	
358	ENB322	D05	Lý thuyết dịch	2	S	**7**	12,14-18	B1.303	NN	04/7/2023	3	2				K37	NNA	NNA - 05	
359	ENB322	D06	Lý thuyết dịch	2	C	**6**	1-6	B1.403	NN	10/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 06	
360	FIN301	D01	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**5** **7**	1-2 1, 3-8	A202 A201	TC	30/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 05	
361	FIN301	D02	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**2** **7**	6-7 1, 3-8	A206 A008	TC	30/3/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 06	
362	FIN301	D03	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**5** **7**	18-19 14-19,21	A208 A008	TC	03/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 01	
363	FIN301	D04	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**5** **7**	15-16 14-19,21	A008 A201	TC	03/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 07	
364	FIN301	D05	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**2**	1-9	A205	TC	30/3/2023	S2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 02	
365	FIN301	D06	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**2**	1-9	A207	TC	30/3/2023	S2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 08	
366	FIN301	D07	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**2** **4**	15-21 15-16	A204 A007	TC	03/7/2023	C2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 04	
367	FIN301	D08	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**2** **5**	15-21 20-21	A201 A008	TC	03/7/2023	C2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 03	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
368	FIN301	D09	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**3** **6**	15-21 20-21	A201 A201	TC	03/7/2023	C3	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 02	
369	FIN301	D10	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**3** **5**	15-21 18-19	A202 A008	TC	03/7/2023	C3	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 01	
370	FIN301	D11	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**4** **5**	15-21 18-19	A008 A201	TC	07/7/2023	S1	2			PM	K38	QTKD	QTKD - 03	
371	FIN301	D12	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**2** **3**	18-19 15-21	A202 A203	TC	07/7/2023	S1	2			PM	K38	KTQT	KTQT - 02	
372	FIN301	D13	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**4** **5**	21 14-21	A007 A301	TC	07/7/2023	S1	2			PM	K38	KTQT	KTQT - 04	
373	FIN301	D14	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**5** **6**	14-21 18	A201 A102	TC	07/7/2023	S2	2			PM	K38	KTQT	KTQT - 01	
374	FIN301	D15	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	S	**3** **5**	15-21 17-18	A202 A302	TC	07/7/2023	S2	2			PM	K38	KTQT	KTQT - 03	
375	FIN301	D16	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**2** **3**	20-21 15-21	A006 A204	TC	07/7/2023	S2	2			PM	K38	KTQT	KTQT - 05	
376	FIN301	D17	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	C	**3**	1-9	B1.405	TC	14/4/2023	C3	1			PM	K37	LKT	LKT	Tự chọn HƯỚNG A
377	AMA303	D01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**3**	1-9	A203	Toán kinh tế	31/3/2023	1	1				K38	TCNH	TCNH - 06	
378	AMA303	D02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**3**	1-9	A203	Toán kinh tế	31/3/2023	1	1				K38	TCNH	TCNH - 08	
379	AMA303	D03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**4** **5**	1-8 4	A006 A202	Toán kinh tế	29/3/2023	3	1				K38	TCNH	TCNH - 01	
380	AMA303	D04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**2** **4**	5 1-8	A206 A008	Toán kinh tế	29/3/2023	3	1				K38	TCNH	TCNH - 04	
381	AMA303	D05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**5** **6**	1-8 7	A203 A006	Toán kinh tế	29/3/2023	3	1				K38	TCNH	TCNH - 03	
382	AMA303	D06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**4** **5**	3 1-8	A201 A201	Toán kinh tế	29/3/2023	3	1				K38	TCNH	TCNH - 02	
383	AMA303	D07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**5** **6**	1 1-8	A204 A008	Toán kinh tế	29/3/2023	4	1				K38	TCNH	TCNH - 07	
384	AMA303	D08	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**3** **6**	1 1-8	A201 A202	Toán kinh tế	29/3/2023	4	1				K38	TCNH	TCNH - 05	
385	AMA303	D09	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**3** **4**	15-21 18-19	A204 A202	Toán kinh tế	07/7/2023	1	2				K38	KT	KT - 01	
386	AMA303	D10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**3** **4**	15-21 17-18	A207 A202	Toán kinh tế	07/7/2023	1	2				K38	KT	KT - 02	
387	AMA303	D11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**3** **6**	15-21 20-21	A205 A204	Toán kinh tế	07/7/2023	2	2				K38	QTKD	QTKD - 01	
388	AMA303	D12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**3** **6**	15-21 19-20	A208 A201	Toán kinh tế	07/7/2023	2	2				K38	QTKD	QTKD - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
389	AMA303	D13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**4** **6**	1-8 3	A203 A006	Toán kinh tế	29/3/2023	4	1				K38	QTKD	QTKD - 03	
390	AMA303	D14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**4** **5**	1-8 1	A202 A202	Toán kinh tế	29/3/2023	4	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
391	AMA303	D15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**5** **3**	1-8 2	A203 A201	Toán kinh tế	29/3/2023	4	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
392	AMA303	D16	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**2**	1-9	A208	Toán kinh tế	31/3/2023	2	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
393	AMA303	D17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	S	**6** **5**	8 1-8	A201 A205	Toán kinh tế	31/3/2023	2	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
394	AMA303	D18	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	C	**3** **5**	18 14-21	A205 A207	Toán kinh tế	07/7/2023	2	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
395	MKE304	D01	Marketing dịch vụ tài chính	3	S	**5**	1-9	B1.401	NH	14/4/2023	C3	1			PM	K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TC&QTDN
396	MKE304	D02	Marketing dịch vụ tài chính	3	C	**5**	1-9	B1.401	NH	14/4/2023	C3	1			PM	K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TC&QTDN
397	MKE305	D01	Marketing quốc tế	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.404	QTKD	06/7/2023	2	2				K37	DIG	DIG	Tự chọn
398	MKE305	D02	Marketing quốc tế	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.404	QTKD	06/7/2023	2	2				K37	DIG	DIG	Tự chọn
399	DIM706	D01	Marketing số	3	S	**5**	1-9	B1.206	QTKD	13/4/2023	3	1				K36	QTKD	QT	Tự chọn
400	FIN310	D01	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3	S	**4**	1-9	B1.106	TC	15/4/2023	1	1				K36	TC	TC - 01	
401	FIN310	D02	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3	C	**5**	1-9	B1.206	TC	15/4/2023	1	1				K36	TC	TC - 02	
402	FIN310	D03	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3	S	**5**	1-9	B1.301	TC	15/4/2023	1	1				K36	TC	TC - 03	
403	ELI306	D01	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	C	**3**	1-9	B1.201	NN	15/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn
404	ELI306	D02	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	S	**5**	13-21	B1.103	NN	04/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA	Tự chọn
405	ELI303	D01	Ngữ âm – Âm vị học	2	S	**6**	1-6	B1.403	NN	13/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 02	
406	ELI303	D02	Ngữ âm – Âm vị học	2	C	**6**	1-6	B1.402	NN	13/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA - 01	
407	ELI303	D03	Ngữ âm – Âm vị học	2	S	**7**	12,14-18	B1.304	NN	05/7/2023	3	2				K37	NNA	NNA - 03	
408	ELI301	D01	Ngữ pháp	3	C	**4**	1-9	B1.405	NN	15/4/2023	1	1				K37	NNA		Tự chọn
409	ACC301	D01	Nguyên lý kế toán	3	C	**3** **4**	2 1-8	A308 A002	KTKT	01/4/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 05	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
410	ACC301	D02	Nguyên lý kế toán	3	S	**5** **4**	2 1-8	A308 A002	KTKT	01/4/2023	S1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 07	
411	ACC301	D03	Nguyên lý kế toán	3	S	**2** **5**	15-21 14-15	A001 A308	KTKT	08/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 01	
412	ACC301	D04	Nguyên lý kế toán	3	C	**2** **3**	15-21 17-18	A001 A308	KTKT	08/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 02	
413	ACC301	D05	Nguyên lý kế toán	3	S	**2**	1-9	A001	KTKT	01/4/2023	S2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 04	
414	ACC301	D06	Nguyên lý kế toán	3	C	**2**	1-9	A001	KTKT	01/4/2023	S2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 03	
415	ACC301	D07	Nguyên lý kế toán	3	S	**4** **6**	17 14-21	A308 A002	KTKT	08/7/2023	C2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 08	
416	ACC301	D08	Nguyên lý kế toán	3	C	**5** **6**	17 14-21	A308 A002	KTKT	08/7/2023	C2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 06	
417	ACC301	D09	Nguyên lý kế toán	3	S	**5** **7**	7-8 1, 3-8	A308 A001	KTKT	01/4/2023	S3	1			PM	K38	KT	KT - 02	
418	ACC301	D10	Nguyên lý kế toán	3	C	**3** **5**	15-21 20-21	A104 A308	KTKT	08/7/2023	C3	2			PM	K38	KT	KT - 01	
419	MKE308	D01	Nguyên lý Marketing	3	S	**3**	1-9	A201	QTKD	30/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 01	
420	MKE308	D02	Nguyên lý Marketing	3	C	**4** **7**	7-8 1, 3-8	A006 A006	QTKD	30/3/2023	C2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 08	
421	MKE308	D03	Nguyên lý Marketing	3	S	**4** **6**	21 14-21	A006 A203	QTKD	06/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 03	
422	MKE308	D04	Nguyên lý Marketing	3	C	**3** **6**	19 14-21	A007 A203	QTKD	06/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 02	
423	MKE308	D05	Nguyên lý Marketing	3	S	**5** **7**	3-4 1, 3-8	A006 A008	QTKD	30/3/2023	C2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 04	
424	MKE308	D06	Nguyên lý Marketing	3	C	**2**	1-9	A204	QTKD	30/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 07	
425	MKE308	D07	Nguyên lý Marketing	3	S	**4** **7**	18-19 14-19,21	A006 A007	QTKD	06/7/2023	C1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 05	
426	MKE308	D08	Nguyên lý Marketing	3	C	**2** **7**	18-19 14-19,21	A006 A008	QTKD	06/7/2023	C2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 06	
427	MKE308	D09	Nguyên lý Marketing	3	S	**2**	1-9	A007	QTKD	30/3/2023	C1	1			PM	K38	KT	KT - 01	
428	MKE308	D10	Nguyên lý Marketing	3	S	**3** **4**	15-21 19-20	A103 A101	QTKD	06/7/2023	C2	2			PM	K38	KT	KT - 02	
429	ACC310	D01	Nhập môn ngành kế toán	2	S	**5**	1-6	A001	KTKT	30/3/2023	4	1				K38	KT	KT - 02	
430	ACC310	D02	Nhập môn ngành kế toán	2	C	**5**	1-6	A001	KTKT	30/3/2023	4	1				K38	KT	KT - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
431	INE314	D01	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế	2	S	**5**	1-6	A004	KTQT	29/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 01	
432	INE314	D02	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế	2	C	**5**	1-6	A005	KTQT	29/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 04	
433	INE314	D03	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế	2	S	**4**	1-6	A004	KTQT	29/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 05	
434	INE314	D04	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế	2	C	**4**	1-6	A004	KTQT	29/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 02	
435	INE314	D05	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế	2	C	**3**	1-6	A002	KTQT	29/3/2023	2	1				K38	KTQT	KTQT - 03	
436	MAG319	D01	Nhập môn Quản trị kinh doanh	2	S	**5**	14-19	A207	QTKD	05/7/2023	1	2				K38	QTKD	QTKD - 01	
437	MAG319	D02	Nhập môn Quản trị kinh doanh	2	C	**6**	14-19	A204	QTKD	05/7/2023	1	2				K38	QTKD	QTKD - 03	
438	MAG319	D03	Nhập môn Quản trị kinh doanh	2	S	**6**	14-19	A204	QTKD	05/7/2023	1	2				K38	QTKD	QTKD - 02	
439	LAW324	D01	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	S	**7**	1, 3-7	B1.101	LKT	14/4/2023	3	1				K36	LKT	LKT - 01	
440	LAW324	D02	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	C	**4**	12-13,15-18	B1.202	LKT	05/7/2023	4	2				K36	LKT	LKT - 02	
441	LAW324	D03	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	C	**7**	1, 3-7	B1.101	LKT	14/4/2023	3	1				K36	LKT	LKT - 03	
442	BAF704	D01	Phái sinh tiền tệ	3	S	**5**	13-21	B1.401	NH	05/7/2023	2	2				K37	CNTC	CNTC_1	
443	BAF704	D02	Phái sinh tiền tệ	3	C	**5**	13-21	B1.401	NH	05/7/2023	2	2				K37	CNTC	CNTC_2	
444	ENB314	D01	Phân tích diễn ngôn	3	C	**4**	1-9	B1.101	NN	10/4/2023	3	1				K35	NNA		
445	DAT710	D01	Phân tích dữ liệu kế toán với Python	3	S	**6**	1-9	A101	KTKT	11/4/2023	C1	1		PM 3B	PM	K37	KTKT	KTKT	Tự chọn Hướng hiện đại
446	DAT710	D02	Phân tích dữ liệu kế toán với Python	3	C	**6**	1-9	A102	KTKT	11/4/2023	C1	1		PM 3B	PM	K37	KTKT	KTKT	Tự chọn Hướng hiện đại
447	DAT712	D01	Phân tích dữ liệu lớn	3	S	**5**	13-17 18-21	A104 C201	Toán kinh tế	03/7/2023	4	2		PM 4B		K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	
448	ITS710	D01	Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	C	**3** **4**	12-13,15-21 12-13,15	C201	HTTTQL	05/7/2023	4	2		PM		K37	KHDLTKD	KHDLTKD	Tự chọn
449	FIN304	D01	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	S	**6**	12-20	B1.405	TC	08/7/2023	3	2				K37	TCNH	TC - 03	
450	FIN304	D02	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	C	**6**	12-20	B1.405	TC	08/7/2023	3	2				K37	TCNH	TC - 02	
451	FIN304	D03	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	S	**5** **7**	16 12, 14-19,21	B1.202 B1.306	TC	08/7/2023	3	2				K37	TCNH	TC - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
452	FIN304	D04	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	C	**6** **7**	20 12, 14-19,21	B1.102 B1.201	TC	08/7/2023	4	2				K37	TCNH	TC - 05	
453	FIN304	D05	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.205	TC	08/7/2023	4	2				K37	TCNH	TC - 04	
454	FIN304	D06	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	C	**6**	1-9	B1.302	TC	15/4/2023	2	1				K37	NH	NH - 01	
455	FIN304	D07	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	S	**6**	1-9	A301	TC	15/4/2023	2	1				K37	NH	NH - 02	
456	FIN304	D08	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	C	**6**	1-9	B1.405	TC	15/4/2023	2	1				K37	KTKT	KTKT	ự chọn Hướng truyền thốn
457	ITS339	D01	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	C	**4** **5**	15-21 17-21	C305 A101	HTTTQL	05/7/2023	C3	2		PM 7B	PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
458	ITS339	D02	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	C	**2** **6**	6-9 1-8	C205 C205	HTTTQL	11/4/2023	C3	1		PM 7B	PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
459	ITS339	D03	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	S	**2** **7**	16-19 12, 14-19,21	A101 C301	HTTTQL	05/7/2023	C3	2		PM 7B	PM	K37	HTTTKD	HTTTKD - 01	
460	ITS340	D01	Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm	2	S	**4**	1-9	C203	HTTTQL	11/4/2023	4	1		PM		K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
461	ITS340	D02	Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm	2	C	**5** **7**	12 12, 14-19,21	C301	HTTTQL	07/7/2023	2	2		PM		K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
462	LAW349	D01	Pháp luật đại cương	2	S	**2**	1-6	A003	LKT	29/3/2023	3	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 01	
463	LAW349	D02	Pháp luật đại cương	2	C	**2**	1-6	A007	LKT	29/3/2023	3	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 02	
464	LAW349	D03	Pháp luật đại cương	2	C	**4**	1-6	A006	LKT	29/3/2023	3	1				K38	HTTTQL	HTTTQL - 03	
465	LAW349	D04	Pháp luật đại cương	2	C	**2**	15-20	A104	LKT	03/7/2023	4	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 04	
466	LAW349	D05	Pháp luật đại cương	2	S	**2**	15-20	A104	LKT	03/7/2023	4	2				K38	HTTTQL	HTTTQL - 05	
467	LAW342	D01	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	S	**6**	1-9	B1.104	LKT	12/4/2023	C2	1			PM	K36	LKT	LKT - 02	
468	LAW342	D02	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	C	**6** **7**	15 12, 14-19,21	B1.102 B1.101	LKT	04/7/2023	S2	2			PM	K36	LKT	LKT - 01	
469	LAW342	D03	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	C	**4**	1-9	B1.104	LKT	12/4/2023	C2	1			PM	K36	LKT	LKT - 03	
470	ELI302	D01	Phát âm	3	S	**2** **7**	1-2 1, 3-8	A006 A102	NN	31/3/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 06	
471	ELI302	D02	Phát âm	3	C	**3** **7**	7-8 1, 3-8	A003 A005	NN	31/3/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 05	
472	ELI302	D03	Phát âm	3	S	**2**	1-9	A201	NN	31/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 07	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
473	ELI302	D04	Phát âm	3	C	**2**	1-9	A201	NN	31/3/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 03	
474	ELI302	D05	Phát âm	3	S	**2** **6**	15-21 15-16	A008 A201	NN	08/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 01	
475	ELI302	D06	Phát âm	3	C	**2** **6**	15-21 15-16	A008 A201	NN	08/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 02	
476	ELI302	D07	Phát âm	3	S	**5** **7**	14-21 21	A205 A004	NN	08/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 04	
477	ELI302	D08	Phát âm	3	C	**3** **5**	21 14-21	A002 A205	NN	08/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 08	
478	ITS332	D01	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	C	**5** **6**	1-8 1-4	C301 C204	HTTTQL	11/4/2023	3	1		PM		K36	HTTTKD	HTTTKD - 1	
479	ITS332	D02	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	C	**3** **5**	12-13,15-21 13-15	C305	HTTTQL	07/7/2023	2	2		PM		K36	HTTTKD	HTTTKD - 2	
480	ENB305	D01	Phiên dịch thương mại	3	C	**3**	1-9	B1.101	NN	15/4/2023	4	1				K35	NNA		
481	INE704	D01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	S	**4**	1-9	A101	KTQT	13/4/2023	3	1		PM 2B		K37	TCNH	TC - 01	
482	INE704	D02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	C	**4**	1-9	A101	KTQT	13/4/2023	3	1		PM 2B		K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	
483	INE704	D03	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	S	**4**	12-13,15-21	A102	KTQT	03/7/2023	1	2		PM 2B		K37	TCNH	TC - 05	
484	INE704	D04	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	C	**4**	12-13,15-21	A102	KTQT	03/7/2023	1	2		PM 2B		K37	TCNH	TC - 02	
485	INE704	D05	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	S	**5**	1-9	A101	KTQT	13/4/2023	3	1		PM 2B		K37	TCNH	TC - 03	
486	INE704	D06	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	C	**2**	12-13,15-21	A101	KTQT	03/7/2023	1	2		PM 2B		K37	QTKD	QTKD - 01	
487	INE704	D07	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	S	**2**	12-13,15-21	A102	KTQT	03/7/2023	2	2		PM 2B		K37	DIG	DIG - 01	
488	INE704	D08	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	C	**3**	1-9	A101	KTQT	13/4/2023	4	1		PM 2B		K37	DIG	DIG - 02	
489	INE704	D09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	S	**6** **7**	6 1, 3-9	A102 A101	KTQT	13/4/2023	4	1		PM 2B		K37	LOGISTICS	LOGISTICS - 01	
490	INE704	D10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	C	**3**	12-13,15-21	A103	KTQT	03/7/2023	2	2		PM 2B		K37	TCNH	TC - 04	
491	LAW701	D01	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3	S	**3**	1-9	A005	LKT	31/3/2023	4	1				K38	LKT	LKT - 03	
492	LAW701	D02	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3	C	**3**	1-9	A005	LKT	31/3/2023	4	1				K38	LKT	LKT - 04	
493	LAW701	D03	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3	S	**3** **6**	19-20 15-21	A003 A008	LKT	03/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT - 01	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
494	LAW701	D04	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3	C	**2** **4**	17-18 15-21	A102 A004	LKT	03/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT - 02	
495	DAT716	D01	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	S	**7**	14-19	B1.401	Toán kinh tế	03/7/2023	2	2				K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	
496	FIN308	D01	Quản lý danh mục đầu tư	3	S	**6**	12-20	B1.203	TC	06/7/2023	C3	2			PM	K36	TC	TC - 03	
497	FIN308	D02	Quản lý danh mục đầu tư	3	C	**6**	12-20	B1.203	TC	06/7/2023	C3	2			PM	K36	TC	TC - 02	
498	FIN308	D03	Quản lý danh mục đầu tư	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.201	TC	06/7/2023	S3	2			PM	K36	TC	TC - 01	
499	ITS713	D01	Quản lý quy trình nghiệp vụ	2	S	**3**	1-4,9 5-8	A101 C305	HTTTQL	14/4/2023	2	1		PM 4B		K36	HTTTKD	HTTTKD - 2	
500	ITS713	D02	Quản lý quy trình nghiệp vụ	2	C	**3**	12-13,15-17 18-21	A101 C301	HTTTQL	05/7/2023	3	2		PM 4B		K36	HTTTKD	HTTTKD - 1	
501	MAG305	D01	Quản trị bán hàng	3	C	**2**	1-9	B1.102	QTKD	13/4/2023	4	1				K35	QT	QT-MK	
502	MAG312	D01	Quản trị chất lượng	3	S	**3**	1-9	B1.406	QTKD	15/4/2023	3	1				K36	QTKD		Tự chọn
503	MAG307	D01	Quản trị chuỗi cung ứng	3	S	**5** **7**	1 1, 3-9	B1.202 B1.204	QTKD	14/4/2023	2	1				K36	QTKD	QT - 01	
504	MAG307	D02	Quản trị chuỗi cung ứng	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.304	QTKD	05/7/2023	S3	2			PM	K36	QTKD	QT - 02	
505	MAG307	D03	Quản trị chuỗi cung ứng	3	C	**6** **7**	2 1, 3-9	B1.104 B1.201	QTKD	14/4/2023	2	1				K36	KTQT	KTQT	
506	MAG307	D04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	S	**3**	1-9	B1.403	QTKD	14/4/2023	2	1				K37	LOGISTICS	LOGISTICS - 01	
507	MAG307	D05	Quản trị chuỗi cung ứng	3	S	**5**	13-21	B1.106	QTKD	05/7/2023	S3	2			PM	K36	KTQT	KTQT	
508	MAG323	D01	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3	S	**6**	12-20	B1.404	QTKD	05/7/2023	3	2				K37	LOGISTICS	LOGISTICS	Tự chọn
509	MAG323	D02	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3	S	**5**	1-9	B1.404	QTKD	15/4/2023	4	1				K37	QTKD	QTKD	Tự chọn
510	ITS344	D01	Quản trị dự án hệ thống thông tin	3	S	**4** **3**	1-9 1-3	B1.101 B1.103	HTTTQL	12/4/2023	3	1				K36	HTTTKD	HTTTKD - 2	
511	ITS344	D02	Quản trị dự án hệ thống thông tin	3	C	**4** **3**	12-13,15-21 12-13,15	B1.102 B1.101	HTTTQL	06/7/2023	4	2				K36	HTTTKD	HTTTKD - 1	
512	INE309	D01	Quản trị dự án quốc tế	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.403	KTQT	03/7/2023	2	2				K35	KTQT		
513	ITS726	D01	Quản trị dữ liệu	3	S	**6** **7**	1-5 1, 3-8	C201	HTTTQL	10/4/2023	4	1		PM		K37	CNTC	CNTC_1	
514	ITS726	D02	Quản trị dữ liệu	3	C	**6** **7**	3-7 1, 3-8	C201	HTTTQL	10/4/2023	4	1		PM		K37	CNTC	CNTC_2	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
515	MAG322	D01	Quản trị học	3	S	**2**	1-9	A204	QTKD	31/3/2023	C2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 01	
516	MAG322	D02	Quản trị học	3	C	**2**	1-9	A205	QTKD	31/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 02	
517	MAG322	D03	Quản trị học	3	S	**3**	1-9	A202	QTKD	31/3/2023	C1	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 03	
518	MAG322	D04	Quản trị học	3	C	**3**	1-9	A202	QTKD	31/3/2023	C2	1			PM	K38	TCNH	TCNH - 06	
519	MAG322	D05	Quản trị học	3	S	**2** **5**	15-21 16-17	A203 A208	QTKD	08/7/2023	S1	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 05	
520	MAG322	D06	Quản trị học	3	C	**2** **3**	15-21 20-21	A007 A007	QTKD	08/7/2023	S3	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 07	
521	MAG322	D07	Quản trị học	3	S	**3** **4**	15-21 19-20	A008 A007	QTKD	08/7/2023	S3	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 08	
522	MAG322	D08	Quản trị học	3	C	**3** **4**	15-21 16-17	A201 A008	QTKD	08/7/2023	S2	2			PM	K38	TCNH	TCNH - 04	
523	MAG322	D09	Quản trị học	3	S	**2** **4**	5 1-8	A006 A008	QTKD	31/3/2023	C3	1			PM	K38	QTKD	QTKD - 01	
524	MAG322	D10	Quản trị học	3	C	**3** **4**	8 1-8	A006 A007	QTKD	31/3/2023	C3	1			PM	K38	QTKD	QTKD - 02	
525	MAG322	D11	Quản trị học	3	S	**5** **6**	1-8 4	A201 A006	QTKD	31/3/2023	C3	1			PM	K38	QTKD	QTKD - 03	
526	MAG322	D12	Quản trị học	3	C	**2**	1-9	B1.404	QTKD	13/4/2023	C2	1			PM	K37	LKT	LKT	Tự chọn HƯỚNG C
527	MAG310	D01	Quản trị ngân hàng thương mại	3	C	**5**	1-9	B1.201	NH	14/4/2023	4	1				K36	NH	NH - 06	
528	MAG310	D02	Quản trị ngân hàng thương mại	3	S	**5**	1-9	B1.201	NH	14/4/2023	4	1				K36	NH	NH - 05	
529	MAG310	D03	Quản trị ngân hàng thương mại	3	C	**6**	1-9	B1.103	NH	14/4/2023	4	1				K36	NH	NH - 03	
530	MAG310	D04	Quản trị ngân hàng thương mại	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.104	NH	06/7/2023	2	2				K36	NH	NH - 04	
531	MAG310	D05	Quản trị ngân hàng thương mại	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.204	NH	06/7/2023	2	2				K36	NH	NH - 02	
532	MAG310	D06	Quản trị ngân hàng thương mại	3	S	**5**	13-21	B1.102	NH	06/7/2023	2	2				K36	NH	NH - 01	
533	MAG320	D01	Quản trị nguồn nhân lực	3	S	**6**	1-9	B1.406	QTKD	12/4/2023	C1	1			PM	K37	QTKD	QTKD - 01	
534	MAG320	D02	Quản trị nguồn nhân lực	3	C	**6**	1-9	B1.406	QTKD	12/4/2023	C1	1			PM	K37	DIG	DIG - 01	
535	MAG320	D03	Quản trị nguồn nhân lực	3	S	**6** **7**	15 12, 14-19,21	B1.202 B1.305	QTKD	05/7/2023	S3	2			PM	K37	DIG	DIG - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
536	MAG320	D04	Quản trị nguồn nhân lực	3	C	**6** **7**	18 12, 14-19,21	B1.303 B1.102	QTKD	05/7/2023	S3	2			PM	K37	LOGISTICS	LOGISTICS - 01	
537	MAG316	D01	Quản trị quan hệ khách hàng	3	S	**3**	1-9	B1.301	QTKD	15/4/2023	3	1				K36	QTKD	QT	Tự chọn
538	BAF310	D01	Quản trị rủi ro ngân hàng	3	S	**2**	1-9	B1.102	NH	14/4/2023	3	1				K35	TCNH	NH	
539	FIN307	D01	Quản trị rủi ro tài chính	3	C	**3**	1-9	B1.103	TC	15/4/2023	3	1				K35	TCNH	TC	
540	MAG315	D01	Quản trị sự thay đổi	3	S	**5**	1-9	B1.104	QTKD	15/4/2023	4	1				K35	QT	QT-MK	
541	MAG705	D01	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa	3	C	**2**	12-21	B1.204	QTKD	04/7/2023	1	2				K36	QTKD	QT - 01	Tự chọn
542	MAG705	D02	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa	3	S	**5**	13-21	B1.201	QTKD	04/7/2023	1	2				K36	QTKD	QT - 02	Tự chọn
543	ITS346	D01	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	2	C	**5**	1-9	B1.104	HTTTQL	12/4/2023	4	1				K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
544	ITS346	D02	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	2	C	**5**	13-21	B1.101	HTTTQL	06/7/2023	4	2				K36	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
545	FIN305	D01	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	C	**3** **7**	12 12, 14-19,21	B1.106 B1.202	TC	04/7/2023	1	2				K36	TC	TC - 04	
546	FIN305	D02	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	S	**4** **7**	13 12, 14-19,21	B1.105 B1.202	TC	04/7/2023	1	2				K36	TC	TC - 05	
547	FIN305	D03	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	C	**6**	12-20	B1.204	TC	04/7/2023	2	2				K36	TC	TC - 06	
548	MKE306	D01	Quản trị thương hiệu	3	C	**6**	12-20	B1.202	QTKD	08/7/2023	1	2				K36	DIG	DIG	Tự chọn
549	MKE306	D02	Quản trị thương hiệu	3	S	**6**	12-20	B1.204	QTKD	08/7/2023	1	2				K37	HTTTKD	HTTTKD	Tự chọn
550	MKE306	D03	Quản trị thương hiệu	3	S	**5**	13-21	B1.405	QTKD	08/7/2023	1	2				K37	QTTMĐT	QTTMĐT	Tự chọn
551	MAG306	D01	Quản trị vận hành	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.403	QTKD	04/7/2023	2	2				K37	QTKD	QTKD - 01	
552	MAG306	D02	Quản trị vận hành	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.403	QTKD	04/7/2023	2	2				K37	QTTMĐT	QTTMĐT	Tự chọn
553	DIM707	D01	Sáng tạo nội dung số	3	S	**3**	1-9	B1.404	QTKD	11/4/2023	3	1				K37	DIG	DIG - 02	
554	DIM707	D02	Sáng tạo nội dung số	3	C	**3**	1-9	B1.404	QTKD	11/4/2023	3	1				K37	DIG	DIG - 01	
555	FIN303	D01	Tài chính doanh nghiệp	3	S	**6** **7**	9 1, 3-9	B1.402 B1.306	TC	15/4/2023	S1	1			PM	K37	TCNH	TC - 03	
556	FIN303	D02	Tài chính doanh nghiệp	3	C	**6** **7**	8 1, 3-9	B1.306 B1.306	TC	15/4/2023	S1	1			PM	K37	TCNH	TC - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
557	FIN303	D03	Tài chính doanh nghiệp	3	S	**2**	1-9	B1.405	TC	15/4/2023	S2	1			PM	K37	TCNH	TC - 04	
558	FIN303	D04	Tài chính doanh nghiệp	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.405	TC	07/7/2023	S3	2			PM	K37	KDQT	KDQT - 02	
559	FIN303	D05	Tài chính doanh nghiệp	3	C	**2**	1-9	B1.405	TC	15/4/2023	S3	1			PM	K37	TCNH	TC - 01	
560	FIN303	D06	Tài chính doanh nghiệp	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.405	TC	07/7/2023	S3	2			PM	K37	KDQT	KDQT - 01	
561	FIN303	D07	Tài chính doanh nghiệp	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.405	TC	07/7/2023	S3	2			PM	K37	KDQT	KDQT - 03	
562	FIN303	D08	Tài chính doanh nghiệp	3	C	**3**	1-9	B1.403	TC	15/4/2023	S2	1			PM	K37	TCNH	TC - 05	
563	FIN314	D01	Tài chính hành vi	3	S	**3**	1-9	B1.102	TC	14/4/2023	4	1				K35	TCNH	TC	
564	FIN314	D02	Tài chính hành vi	3	C	**6**	1-9	B1.201	TC	14/4/2023	4	1				K36	NH	NH	Tự chọn
565	FIN315	D01	Tài chính phái sinh	3	C	**5**	1-9	B1.103	TC	15/4/2023	4	1				K35	TCNH	TC	
566	INE307	D01	Tài chính quốc tế	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.105	KTQT	04/7/2023	3	2				K36	TC	TC - 05	Tự chọn
567	INE307	D02	Tài chính quốc tế	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.105	KTQT	04/7/2023	3	2				K36	TC	TC - 06	Tự chọn
568	INE307	D03	Tài chính quốc tế	3	S	**6**	12-20	B1.301	KTQT	04/7/2023	3	2				K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TC&QTDN
569	INE307	D04	Tài chính quốc tế	3	C	**6**	12-20	B1.301	KTQT	04/7/2023	4	2				K37	TCNH	TCNH	Tự chọn Hướng TC&QTDN
570	INE307	D05	Tài chính quốc tế	3	S	**5**	13-21	B1.301	KTQT	04/7/2023	4	2				K37	NH	NH	Tự chọn Hướng chuyên sâu
571	INE307	D06	Tài chính quốc tế	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.203	KTQT	04/7/2023	4	2				K37	KTQT	KTQT - 01	
572	BAF305	D01	Tài trợ dự án	3	C	**2**	1-9	B1.101	NH	15/4/2023	3	1				K35	TCNH	NH	
573	SOC303	D01	Tâm lý học	2	S	**7**	1, 3-7	A103	LLCT	31/3/2023	2	1				K38	NNA	NNA	Tự chọn
574	SOC303	D02	Tâm lý học	2	C	**7**	1, 3-7	A007	LLCT	31/3/2023	2	1				K38	NNA	NNA	Tự chọn
575	BAF311	D01	Thẩm định dự án đầu tư	3	S	**6**	12-20	B1.101	NH	05/7/2023	S1	2			PM	K36	TC	TC - 01	
576	BAF311	D02	Thẩm định dự án đầu tư	3	C	**5** **7**	14 12, 14-19,21	B1.105 B1.204	NH	05/7/2023	S1	2			PM	K36	TC	TC - 02	
577	BAF311	D03	Thẩm định dự án đầu tư	3	S	**4** **7**	12 12, 14-19,21	B1.105 B1.102	NH	05/7/2023	S2	2			PM	K36	TC	TC - 03	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
578	BAF311	D04	Thẩm định dự án đầu tư	3	C	**6**	12-20	B1.103	NH	05/7/2023	S2	2			PM	K36	TC	TC - 04	
579	BAF306	D01	Thẩm định giá tài sản	3	S	**3**	1-9	B1.101	NH	15/4/2023	3	1				K35	TCNH	NH	
580	BAF306	D02	Thẩm định giá tài sản	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.301	NH	08/7/2023	4	2				K37	CNTC	CNTC_1	Tự chọn Tổ hợp 1
581	BAF306	D03	Thẩm định giá tài sản	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.301	NH	08/7/2023	4	2				K37	CNTC	CNTC_2	Tự chọn Tổ hợp 1
582	BAF307	D01	Thanh toán quốc tế	3	S	**3**	1-9	B1.201	NH	15/4/2023	4	1				K36	KTQT	KTQT - 2,4	Tự chọn Định hướng 2
583	BAF307	D02	Thanh toán quốc tế	3	C	**6**	1-9	B1.203	NH	15/4/2023	4	1				K37	KDQT	KDQT - 02	
584	BAF307	D03	Thanh toán quốc tế	3	S	**6** **7**	16 12, 14-19,21	B1.105 B1.302	NH	03/7/2023	3	2				K37	KDQT	KDQT - 01	
585	BAF307	D04	Thanh toán quốc tế	3	C	**6** **7**	16 12, 14-19,21	B1.105 B1.302	NH	03/7/2023	3	2				K37	KDQT	KDQT - 03	
586	FIN302	D01	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	3	S	**4**	1-9	B1.404	TC	15/4/2023	S3	1			PM	K37	HTTTKD	HTTTKD	Tự chọn
587	ITS716	D01	Thiết kế web thương mại điện tử	3	S	**4** **6**	12-13,15-21 13-14,17	C201	HTTTQL	06/7/2023	3	2		PM		K37	DIG	DIG	Tự chọn
588	ITS716	D02	Thiết kế web thương mại điện tử	3	C	**4** **6**	12-13,15-21 13-15	C301 C201	HTTTQL	06/7/2023	3	2		PM		K37	DIG	DIG	Tự chọn
589	ENB317	D01	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	S	**5**	13-21	B1.104	NN	08/7/2023	3	2				K36	NNA	NNA - 01	
590	ENB317	D02	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	C	**5**	13-21	B1.106	NN	08/7/2023	3	2				K36	NNA	NNA - 02	
591	ENB317	D03	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	S	**6**	12-20	B1.102	NN	08/7/2023	3	2				K36	NNA	NNA - 03	
592	ENB317	D04	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	C	**6**	12-20	B1.104	NN	08/7/2023	3	2				K36	NNA	NNA - 04	
593	ENB317	D05	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.102	NN	08/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA - 05	
594	ENB317	D06	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.104	NN	08/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA - 06	
595	ENB317	D07	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.206	NN	08/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA - 07	
596	ENB318	D01	Thực hành biên dịch thương mại Việt – Anh	3	S	**6** **7**	15 12, 14-19,21	B1.105 B1.104	NN	04/7/2023	4	2				K36	NNA		
597	ENB318	D02	Thực hành biên dịch thương mại Việt – Anh	3	C	**6** **7**	15 12, 14-19,21	B1.105 B1.104	NN	04/7/2023	4	2				K36	NNA		
598	FIN311	D01	Thuế	3	S	**6**	1-9	B1.302	TC	15/4/2023	C2	1			PM	K36	LKT	LKT	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
599	FIN311	D02	Thuế	3	C	**5**	13-21	B1.204	TC	07/7/2023	C1	2			PM	K36	LKT	LKT	
600	FIN311	D03	Thuế	3	S	**2**	1-9	B1.406	TC	15/4/2023	C2	1			PM	K37	NH	NH	Tự chọn Hướng chuyên sâu
601	FIN311	D04	Thuế	3	C	**2**	1-9	B1.406	TC	15/4/2023	C3	1			PM	K37	KTKT	KTKT	ự chọn Hướng truyền thốn
602	FIN311	D05	Thuế	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.401	TC	07/7/2023	C1	2			PM	K37	KTKT	KTKT	ự chọn Hướng truyền thốn
603	ITB303	D01	Thương mại điện tử	3	C	**2**	1-9	B1.103	HTTTQL	11/4/2023	C3	1			PM	K36	KTQT	KTQT	Tự chọn
604	ITB303	D02	Thương mại điện tử	3	C	**5**	13-21	B1.102	HTTTQL	06/7/2023	S2	2			PM	K36	KTQT	KTQT	Tự chọn
605	ENP708	D01	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	S	**2**	1-6	B1.401	NN	11/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 06	
606	ENP708	D02	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	C	**2**	1-6	B1.401	NN	11/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 05	
607	ENP708	D03	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	S	**6**	12-17	B1.401	NN	05/7/2023	4	2				K37	NNA	NNA - 02	
608	ENP708	D04	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	C	**6**	12-17	B1.401	NN	05/7/2023	4	2				K37	NNA	NNA - 01	
609	ENP708	D05	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	S	**3**	1-6	B1.306	NN	11/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 04	
610	ENP708	D06	Tiếng anh - Đọc nâng cao	2	C	**3**	1-6	B1.306	NN	11/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 03	
611	ENP710	D01	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	S	**2**	12-13,15-18	C204	NN	04/7/2023	S1	2		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 05	
612	ENP710	D02	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	C	**2**	12-13,15-18	C204	NN	04/7/2023	S1	2		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 02	
613	ENP710	D03	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	S	**5**	1-6	C203	NN	11/4/2023	S1	1		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 03	
614	ENP710	D04	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	C	**5**	1-6	C203	NN	11/4/2023	S1	1		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 01	
615	ENP710	D05	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	S	**7**	12,14-18	C201	NN	04/7/2023	S2	2		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 06	
616	ENP710	D06	Tiếng anh - Nghe nâng cao	2	C	**7**	12,14-18	C201	NN	04/7/2023	S2	2		PM	PM L2	K37	NNA	NNA - 04	
617	ENP709	D01	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	S	**6**	1-6	B1.404	NN	12/4/2023	3	1		VĐ		K37	NNA	NNA - 04	
618	ENP709	D02	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	C	**6**	1-6	B1.404	NN	12/4/2023	3	1		VĐ		K37	NNA	NNA - 05	
619	ENP709	D03	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	S	**3**	12-13,15-18	B1.306	NN	03/7/2023	4	2		VĐ		K37	NNA	NNA - 06	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
620	ENP709	D04	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	C	**3**	12-13,15-18	B1.306	NN	03/7/2023	4	2		VĐ		K37	NNA	NNA - 03	
621	ENP709	D05	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	S	**7**	1, 3-7	B1.301	NN	12/4/2023	4	1		VĐ		K37	NNA	NNA - 02	
622	ENP709	D06	Tiếng anh - Nói nâng cao	2	C	**7**	1, 3-7	B1.301	NN	12/4/2023	4	1		VĐ		K37	NNA	NNA - 01	
623	ENP711	D01	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	S	**2** **5**	12-13,15 13-21	B1.303 B1.303	NN	07/7/2023	3	2				K37	NNA	NNA - 02	
624	ENP711	D02	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	C	**2** **4**	12-13,15-21 12-13, 15	B1.303 B1.401	NN	07/7/2023	3	2				K37	NNA	NNA - 03	
625	ENP711	D03	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	S	**2** **6**	12-13,15-21 18-20	B1.304 B1.303	NN	07/7/2023	4	2				K37	NNA	NNA - 01	
626	ENP711	D04	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	S	**2** **3**	1-3 1-9	B1.402 B1.305	NN	13/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 05	
627	ENP711	D05	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	C	**3** **4**	1-9 1-3	B1.401 B1.404	NN	13/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA - 06	
628	ENP711	D06	Tiếng Anh - Viết nâng cao	4	S	**5** **6**	13-21 19-21	B1.305 B1.305	NN	07/7/2023	4	2				K37	NNA	NNA - 04	
629	ENS307	D01	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	S	**2**	1-9	A202	NN	01/4/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 03	
630	ENS307	D02	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	C	**2**	1-9	A202	NN	01/4/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 04	
631	ENS307	D03	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	S	**6** **7**	20-21 14-19,21	A007 A005	NN	07/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 07	
632	ENS307	D04	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	C	**5** **4**	15-21 16-17	A006 A005	NN	07/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 05	
633	ENS307	D05	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	S	**3**	1-9	A007	NN	01/4/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 01	
634	ENS307	D06	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	C	**3**	1-9	A007	NN	01/4/2023	3	1				K38	NNA	NNA - 02	
635	ENS307	D07	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	S	**2** **5**	15-21 18-19	A201 A006	NN	07/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 06	
636	ENS307	D08	Tiếng Anh 2 - Đọc 2	3	C	**2** **4**	15-16 15-21	A006 A006	NN	07/7/2023	1	2				K38	NNA	NNA - 08	
637	ENS305	D01	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	S	**5** **7**	1-2 1, 3-8	C201 C204	NN	31/3/2023	S1	1		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 05	
638	ENS305	D02	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	C	**3** **7**	1-2 1, 3-8	C203	NN	31/3/2023	S1	1		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 06	
639	ENS305	D03	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	S	**5** **6**	14-21 17	C203 C301	NN	05/7/2023	S1	2		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 01	
640	ENS305	D04	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	C	**5** **6**	14-21 14	C203 C301	NN	05/7/2023	S1	2		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
641	ENS305	D05	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	S	**5** **7**	4-5 1, 3-8	C205	NN	31/3/2023	S2	1		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 07	
642	ENS305	D06	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	S C	**5** **7**	6-7 1, 3-8	C205	NN	31/3/2023	S2	1		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 08	
643	ENS305	D07	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	S	**5** **6**	21 14-21	C204 C305	NN	05/7/2023	S2	2		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 03	
644	ENS305	D08	Tiếng Anh 2 - Nghe 2	3	C	**4** **6** **6**	21 14-17 18-21	C201 C205 C301	NN	05/7/2023	S2	2		PM	PM L2	K38	NNA	NNA - 04	
645	ENS306	D01	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	S	**5** **6**	1-8 1	A008 A006	NN	30/3/2023	3	1		VĐ		K38	NNA	NNA - 01	
646	ENS306	D02	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	C	**6** **5**	1 1-8	A006 A008	NN	30/3/2023	3	1		VĐ		K38	NNA	NNA - 04	
647	ENS306	D03	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	S	**3** **5**	15-21 20-21	A006 A006	NN	04/7/2023	3	2		VĐ		K38	NNA	NNA - 08	
648	ENS306	D04	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	C	**3** **5**	15-21 20-21	A006 A007	NN	04/7/2023	3	2		VĐ		K38	NNA	NNA - 07	
649	ENS306	D05	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	S	**3** **6**	7 1-8	A006 A007	NN	30/3/2023	4	1		VĐ		K38	NNA	NNA - 03	
650	ENS306	D06	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	C	**2** **6**	7 1-8	A006 A008	NN	30/3/2023	4	1		VĐ		K38	NNA	NNA - 02	
651	ENS306	D07	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	S	**3** **6**	21 14-21	A007 A202	NN	04/7/2023	4	2		VĐ		K38	NNA	NNA - 05	
652	ENS306	D08	Tiếng Anh 2 - Nói 2	3	C	**6** **7**	14-21 21	A202 A007	NN	04/7/2023	4	2		VĐ		K38	NNA	NNA - 06	
653	ENS308	D01	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	S	**2**	1-9	A203	NN	01/4/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 05	
654	ENS308	D02	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	C	**2**	1-9	A203	NN	01/4/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 06	
655	ENS308	D03	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	S	**2** **5**	20 14-21	A202 A206	NN	07/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 02	
656	ENS308	D04	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	C	**4** **5**	20 14-21	A007 A206	NN	07/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 04	
657	ENS308	D05	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	S	**3**	1-9	A008	NN	01/4/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 07	
658	ENS308	D06	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	C	**3**	1-9	A008	NN	01/4/2023	4	1				K38	NNA	NNA - 08	
659	ENS308	D07	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	S	**6** **7**	18-19 14-19,21	A201 A006	NN	07/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 01	
660	ENS308	D08	Tiếng Anh 2 - Viết 2	3	C	**6** **7**	17-18 14-19,21	A201 A006	NN	07/7/2023	2	2				K38	NNA	NNA - 03	
661	ENP309	D01	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	C	**4**	1-9	B1.102	NN	12/4/2023	1	1				K35	CHUNG		

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
662	ENP309	D02	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	C	**6**	1-9	B1.105	NN	12/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
663	ENP309	D03	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	S	**2**	1-9	B1.204	NN	12/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
664	ENP309	D04	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	C	**2**	1-9	B1.205	NN	12/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
665	ENP309	D05	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	S	**3**	1-9	B1.204	NN	12/4/2023	2	1				K36	CHUNG		
666	ENP309	D06	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	C	**3**	1-9	B1.204	NN	12/4/2023	2	1				K36	CHUNG		
667	ENP309	D07	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.302	NN	03/7/2023	2	2				K36	CHUNG		
668	ENP309	D08	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**5**	1-6	B1.203	NN	12/4/2023	2	1			PM	K36	CHUNG		
669	ENP309	D09	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**5**	1-6	B1.203	NN	12/4/2023	2	1			PM	K36	CHUNG		
670	ENL701	D10	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**6**	1-6	B1.202	NN	14/4/2023	S1	1			PM	K36	CHUNG		
671	ENL701	D11	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**7**	1-7	B1.104	NN	14/4/2023	S1	1			PM	K36	CHUNG		
672	ENL701	D12	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**7**	1, 3-7	B1.104	NN	14/4/2023	S1	1			PM	K36	CHUNG		
673	ENL701	D13	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**2**	12-13,15-18	B1.104	NN	03/7/2023	S2	2			PM	K36	CHUNG		
674	ENL701	D14	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**6**	12-17	B1.104	NN	03/7/2023	S3	2			PM	K36	CHUNG		
675	ENL701	D15	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**7**	1, 3-7	B1.105	NN	14/4/2023	S2	1			PM	K36	CHUNG		
676	ENL701	D16	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**4**	1-6	B1.202	NN	14/4/2023	S2	1			PM	K36	CHUNG		
677	ENL701	D17	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**6**	12-17	B1.402	NN	03/7/2023	S3	2			PM	K37	CHUNG		
678	ENL701	D18	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**2**	1-6	B1.403	NN	14/4/2023	S2	1			PM	K37	CHUNG		
679	ENL701	D19	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**2**	1-6	B1.403	NN	14/4/2023	S3	1			PM	K37	CHUNG		
680	ENL701	D20	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	C	**3**	1-6	B1.402	NN	14/4/2023	S3	1			PM	K37	CHUNG		
681	ENL701	D21	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**3**	1-6	B1.402	NN	14/4/2023	S3	1			PM	K37	CHUNG		
682	ENL701	D22	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	S	**5**	13-18	B1.306	NN	03/7/2023	S3	2			PM	K37	CHUNG		

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
683	ENP314	D01	Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.106	NN	08/7/2023	1	2				K36	CHUNG		
684	ENP314	D02	Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.106	NN	08/7/2023	1	2				K36	CHUNG		
685	ENP314	D03	Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	S	**5**	1-9	B1.103	NN	15/4/2023	1	1				K35	CHUNG		
686	ENP315	D01	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	C	**5**	1-9	B1.204	NN	15/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
687	ENP315	D02	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	S	**5**	1-9	B1.204	NN	15/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
688	ENP315	D03	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.105	NN	08/7/2023	2	2				K36	CHUNG		
689	ENP315	D04	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.105	NN	08/7/2023	2	2				K36	CHUNG		
690	ENP315	D05	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	C	**3**	1-9	B1.102	NN	15/4/2023	1	1				K35	CHUNG		
691	ENP315	D06	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.402	NN	08/7/2023	2	2				K37	CHUNG		
692	ENP316	D01	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế	3	C	**2**	1-9	B1.206	NN	10/4/2023	4	1				K36	CHUNG		
693	ENP316	D02	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế	3	C	**4**	1-9	B1.203	NN	10/4/2023	4	1				K36	CHUNG		
694	ENP316	D03	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế	3	C	**6**	12-20	B1.106	NN	05/7/2023	1	2				K36	CHUNG		
695	ENP316	D04	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế	3	S	**6**	12-20	B1.402	NN	05/7/2023	1	2				K37	CHUNG		
696	ENP312	D01	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh	3	S	**6** **7**	2 1, 3-9	B1.203 B1.106	NN	11/4/2023	S3	1			PM	K36	CHUNG		
697	ENP312	D02	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.303	NN	06/7/2023	S3	2			PM	K36	CHUNG		
698	ENP313	D01	Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự	3	S	**6** **7**	3 1, 3-9	B1.105 B1.201	NN	11/4/2023	S3	1			PM	K36	CHUNG		
699	ENP313	D02	Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự	3	C	**5**	13-21	B1.201	NN	06/7/2023	S2	2			PM	K36	CHUNG		
700	ENP317	D01	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	C	**6**	12-20	B1.201	NN	05/7/2023	2	2				K36	CHUNG		
701	ENP317	D02	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	S	**2**	1-9	B1.301	NN	10/4/2023	4	1				K36	CHUNG		
702	ENP317	D03	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	C	**2**	1-9	B1.301	NN	10/4/2023	4	1				K36	CHUNG		
703	ENP317	D04	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	S	**6**	12-20	B1.403	NN	05/7/2023	2	2				K37	CHUNG		

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
704	ENP317	D05	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	S	**3**	1-9	B1.205	NN	10/4/2023	4	1				K36	CHUNG		
705	ENP318	D01	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**5**	1-9	B1.205	NN	13/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
706	ENP318	D02	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**5**	1-9	B1.205	NN	13/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
707	ENP318	D03	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.201	NN	05/7/2023	3	2				K36	CHUNG		
708	ENP318	D04	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.106	NN	05/7/2023	3	2				K36	CHUNG		
709	ENP318	D05	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**2**	12-13,15-21	B1.202	NN	05/7/2023	3	2				K36	CHUNG		
710	ENP318	D06	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**3**	1-9	B1.206	NN	13/4/2023	1	1				K36	CHUNG		
711	ENP318	D07	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**3**	1-9	B1.206	NN	13/4/2023	2	1				K36	CHUNG		
712	ENP318	D08	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**4**	1-9	B1.204	NN	13/4/2023	2	1				K36	CHUNG		
713	ENP318	D09	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**6** **7**	14 12, 14-19,21	B1.105 B1.105	NN	05/7/2023	4	2				K37	CHUNG		
714	ENP318	D10	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	C	**6** **7**	14 12, 14-19,21	B1.303 B1.304	NN	05/7/2023	4	2				K37	CHUNG		
715	ENP318	D11	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.305	NN	05/7/2023	4	2				K37	CHUNG		
716	ENP318	D12	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3	S	**2**	1-9	B1.103	NN	13/4/2023	2	1				K35	CHUNG		
717	ENP310	D01	Tiếng Anh pháp lý 1	3	C	**6**	1-9	B1.106	NN	15/4/2023	2	1				K36	CHUNG		
718	ENP310	D02	Tiếng Anh pháp lý 1	3	S	**3**	1-9	B1.401	NN	15/4/2023	2	1				K37	CHUNG		
719	ENP310	D03	Tiếng Anh pháp lý 1	3	C	**5**	1-9	B1.102	NN	15/4/2023	2	1				K35	CHUNG		
720	ENP311	D01	Tiếng Anh pháp lý 2	3	S	**5**	13-21	B1.105	NN	06/7/2023	3	2				K36	CHUNG		
721	ENP311	D02	Tiếng Anh pháp lý 2	3	C	**5**	13-21	B1.202	NN	06/7/2023	3	2				K36	CHUNG		
722	ENP311	D03	Tiếng Anh pháp lý 2	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.101	NN	06/7/2023	3	2				K35	CHUNG		
723	ENB315	D01	Tiếng Anh thương mại 1	3	S	**6** **7**	5 1, 3-9	B1.105 B1.202	NN	12/4/2023	S1	1			PM	K36	NNA	NNA - 01	
724	ENB315	D02	Tiếng Anh thương mại 1	3	C	**6** **7**	4 1, 3-9	B1.104 B1.105	NN	12/4/2023	S1	1			PM	K36	NNA	NNA - 02	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
725	ENB315	D03	Tiếng Anh thương mại 1	3	S	**2**	1-9	B1.205	NN	12/4/2023	S2	1			PM	K36	NNA	NNA - 03	
726	ENB315	D04	Tiếng Anh thương mại 1	3	C	**2**	1-9	B1.302	NN	12/4/2023	S2	1			PM	K36	NNA	NNA - 04	
727	ENB315	D05	Tiếng Anh thương mại 1	3	S	**6**	1-9	B1.204	NN	12/4/2023	S3	1			PM	K36	NNA	NNA - 07	
728	ENB315	D06	Tiếng Anh thương mại 1	3	C	**6**	1-9	B1.204	NN	12/4/2023	S3	1			PM	K36	NNA	NNA - 06	
729	ENB316	D01	Tiếng Anh thương mại 2	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.201	NN	07/7/2023	C2	2			PM	K36	NNA	NNA - 01	
730	ENB316	D02	Tiếng Anh thương mại 2	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.201	NN	07/7/2023	C2	2			PM	K36	NNA	NNA - 02	
731	ENB316	D03	Tiếng Anh thương mại 2	3	S	**5**	13-21	B1.203	NN	07/7/2023	C2	2			PM	K36	NNA	NNA - 03	
732	ENB316	D04	Tiếng Anh thương mại 2	3	C	**5**	13-21	B1.203	NN	07/7/2023	C3	2			PM	K36	NNA	NNA - 04	
733	ENB316	D05	Tiếng Anh thương mại 2	3	S	**5** **7**	13 12, 14-19,21	B1.202 B1.106	NN	07/7/2023	C3	2			PM	K36	NNA	NNA - 05	
734	ENB316	D06	Tiếng Anh thương mại 2	3	C	**5** **7**	13 12, 14-19,21	B1.105	NN	07/7/2023	C3	2			PM	K36	NNA	NNA - 06	
735	JPL302	D01	Tiếng Nhật 2	3	S	**5**	1-9	B1.403	NN	14/4/2023	3	1				K37	NNA	NNA	Tự chọn
736	JPL304	D01	Tiếng Nhật 4	3	S	**6**	1-9	B1.205	NN	14/4/2023	4	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn
737	JPL304	D02	Tiếng Nhật 4	3	C	**6**	1-9	B1.205	NN	14/4/2023	4	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn
738	JPL304	D03	Tiếng Nhật 4	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.201	NN	06/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA	Tự chọn
739	CNL307	D01	Tiếng Trung Quốc 2	3	S	**6**	1-9	B1.405	NN	14/4/2023	4	1				K37	NNA	NNA	Tự chọn
740	CNL307	D02	Tiếng Trung Quốc 2	3	C	**5**	13-21	B1.402	NN	06/7/2023	1	2				K37	NNA	NNA	Tự chọn
741	CNL307	D03	Tiếng Trung Quốc 2	3	S	**3**	12-13,15-21	A101	NN	06/7/2023	1	2				K37	NNA	NNA	Tự chọn
742	CNL307	D04	Tiếng Trung Quốc 2	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.402	NN	06/7/2023	2	2				K37	NNA	NNA	Tự chọn
743	CNL307	D05	Tiếng Trung Quốc 2	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.402	NN	06/7/2023	2	2				K37	NNA	NNA	Tự chọn
744	CNL309	D01	Tiếng Trung Quốc 4	3	S	**4** **7**	2 1, 3-9	B1.105 B1.203	NN	14/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn
745	CNL309	D02	Tiếng Trung Quốc 4	3	C	**4** **7**	2 1, 3-9	B1.205 B1.106	NN	14/4/2023	3	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
746	CNL309	D03	Tiếng Trung Quốc 4	3	S	**3**	12-13,15-21	B1.202	NN	06/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA	Tự chọn
747	CNL309	D04	Tiếng Trung Quốc 4	3	C	**3**	12-13,15-21	B1.202	NN	06/7/2023	4	2				K36	NNA	NNA	Tự chọn
748	CNL305	D01	Tiếng Trung quốc thương mại	3	C	**4**	1-9	B1.206	NN	15/4/2023	2	1				K36	NNA	NNA	Tự chọn
749	BAF308	D01	Tín dụng ngân hàng	3	C	**6** **7**	3 1, 3-9	B1.104 B1.102	NH	13/4/2023	S2	1			PM	K36	NH	NH - 06	
750	BAF308	D02	Tín dụng ngân hàng	3	S	**6** **7**	2 1, 3-9	B1.105 B1.102	NH	13/4/2023	S3	1			PM	K36	NH	NH - 02	
751	BAF308	D03	Tín dụng ngân hàng	3	S	**6**	1-9	B1.106	NH	13/4/2023	S3	1			PM	K36	NH	NH - 04	
752	BAF308	D04	Tín dụng ngân hàng	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.106	NH	03/7/2023	C1	2			PM	K36	NH	NH - 01	
753	BAF308	D05	Tín dụng ngân hàng	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.205	NH	03/7/2023	C1	2			PM	K36	NH	NH - 05	
754	BAF308	D06	Tín dụng ngân hàng	3	S	**2**	12-13,15-21	B1.104	NH	03/7/2023	C2	2			PM	K36	NH	NH - 03	
755	BAF308	D07	Tín dụng ngân hàng	3	S	**6**	12-20	B1.306	NH	03/7/2023	C3	2			PM	K37	CNTC	CNTC_1	Tự chọn Tổ hợp 1
756	BAF308	D08	Tín dụng ngân hàng	3	C	**6**	12-20	B1.306	NH	03/7/2023	C3	2			PM	K37	CNTC	CNTC_2	Tự chọn Tổ hợp 1
757	ITS301	D01	Tin học ứng dụng	3	S	**4** **3**	1-8 1-4	C201 C203	HTTTQL	13/4/2023	S1	1		PM	PM	K35	CHUNG		
758	ITS301	D02	Tin học ứng dụng	3	C	**4** **3**	1-8 1-4	C203	HTTTQL	13/4/2023	S1	1		PM	PM	K35	CHUNG		
759	ITS301	D03	Tin học ứng dụng	3	S	**2** **5**	1-9 1-3	C204	HTTTQL	13/4/2023	S1	1		PM	PM	K36	CHUNG		
760	ITS301	D04	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **5**	1-9 1-3	C204	HTTTQL	13/4/2023	S2	1		PM	PM	K36	CHUNG		
761	ITS301	D05	Tin học ứng dụng	3	S	**3** **5**	1-9 4-6	C204	HTTTQL	13/4/2023	S2	1		PM	PM	K36	CHUNG		
762	ITS301	D06	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **7**	12-13, 15-16 12, 14-19,21	C205	HTTTQL	03/7/2023	S1	2		PM	PM	K36	CHUNG		
763	ITS301	D07	Tin học ứng dụng	3	S	**6** **7**	12-15 12, 14-19,21	C203	HTTTQL	03/7/2023	S1	2		PM	PM	K36	CHUNG		
764	ITS301	D08	Tin học ứng dụng	3	C	**3** **5**	1-9 4-6	C204	HTTTQL	13/4/2023	S2	1		PM	PM	K36	CHUNG		
765	ITS301	D09	Tin học ứng dụng	3	S	**3** **4**	4-7 1-8	C205	HTTTQL	13/4/2023	S2	1		PM	PM	K36	CHUNG		
766	ITS301	D10	Tin học ứng dụng	3	C	**4** **5**	1-8 1,6-8	C205	HTTTQL	13/4/2023	C1	1		PM	PM	K36	CHUNG		

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
767	ITS301	D11	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **6**	20-21 12-21	C204	HTTTQL	03/7/2023	C1	2		PM	PM	K36	CHUNG		
768	ITS301	D12	Tin học ứng dụng	3	S	**3** **6**	16-17 12-21	C203 C204	HTTTQL	03/7/2023	S2	2		PM	PM	K36	CHUNG		
769	ITS301	D13	Tin học ứng dụng	3	C	**4** **6**	12-13,15-21 15-17	C203	HTTTQL	06/7/2023	S3	2		PM	PM	K36	CHUNG		
770	ITS301	D14	Tin học ứng dụng	3	S	**4** **6**	12-13,15-21 16-18	C203	HTTTQL	06/7/2023	S3	2		PM	PM	K37	CHUNG		
771	ITS301	D15	Tin học ứng dụng	3	C	**3** **5**	4-7 1-8	C301 C305	HTTTQL	14/4/2023	C2	1		PM	PM	K36	CHUNG		
772	ITS301	D16	Tin học ứng dụng	3	S	**2** **6**	1-9 6-8	C201	HTTTQL	14/4/2023	C2	1		PM	PM	K37	CHUNG		
773	ITS301	D17	Tin học ứng dụng	3	C	**3** **6**	12-13,15-21 18-21	C204 C205	HTTTQL	06/7/2023	C3	2		PM	PM	K37	CHUNG		
774	ITS301	D18	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **3**	1-9 7-9	C201 C203	HTTTQL	14/4/2023	S1	1		PM	PM	K37	CHUNG		
775	ITS301	D19	Tin học ứng dụng	3	S	**3** **6**	12-13,15-21 19-21	C305 C201	HTTTQL	06/7/2023	S1	2		PM	PM	K37	CHUNG		
776	ITS301	D20	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **6**	1-9 1-3	C301 C305	HTTTQL	14/4/2023	S1	1		PM	PM	K37	CHUNG		
777	ITS301	D21	Tin học ứng dụng	3	S	**2** **3**	1-9 7-9	C203	HTTTQL	14/4/2023	S1	1		PM	PM	K37	CHUNG		
778	ITS301	D22	Tin học ứng dụng	3	C	**2** **3**	12-13,15-21 12-13,15	C203	HTTTQL	06/7/2023	S2	2		PM	PM	K37	CHUNG		
779	ITS301	D23	Tin học ứng dụng	3	S	**2** **3**	12-13,15-21 12-13,15	C203	HTTTQL	06/7/2023	S1	2		PM	PM	K37	CHUNG		
780	AMA302	D01	Toán cao cấp 2	2	S	**5**	1-6	A206	Toán kinh tế	29/3/2023	2	1				K38	KT	KT - 01	
781	AMA302	D02	Toán cao cấp 2	2	C	**6**	1-6	A203	Toán kinh tế	29/3/2023	2	1				K38	KT	KT - 02	
782	AMA302	D03	Toán cao cấp 2	2	S	**6**	1-6	A203	Toán kinh tế	29/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 05	
783	AMA302	D04	Toán cao cấp 2	2	C	**6**	1-6	A204	Toán kinh tế	29/3/2023	1	1				K38	KTQT	KTQT - 02	
784	AMA302	D05	Toán cao cấp 2	2	S	**7**	14-19	A206	Toán kinh tế	08/7/2023	1	2				K38	KTQT	KTQT - 04	
785	AMA302	D06	Toán cao cấp 2	2	C	**7**	14-19	A206	Toán kinh tế	08/7/2023	1	2				K38	KTQT	KTQT - 03	
786	AMA302	D07	Toán cao cấp 2	2	S	**4**	15-20	A203	Toán kinh tế	08/7/2023	2	2				K38	KTQT	KTQT - 01	
787	DAT714	D01	Trực quan hóa dữ liệu kế toán với Python	3	S	**5**	13-17,21 18-20	A101 C305	KTKT	08/7/2023	S1	2		PM 3B	PM	K37	KTKT	KTKT	Tự chọn Hướng hiện đại

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
788	DAT714	D02	Trực quan hóa dữ liệu kế toán với Python	3	C	**5**	13-17,21 18-20	A102 C305	KTKT	08/7/2023	S2	2		PM 3B	PM	K37	KTKT	KTKT	Tự chọn Hướng hiện đại
789	MAG707	D01	Truyền thông kinh doanh	3	S	**4**	12-13,15-21	B1.406	QTKD	07/7/2023	4	2				K37	QTKD	QTKD - 01	
790	MAG707	D02	Truyền thông kinh doanh	3	C	**4**	12-13,15-21	B1.406	QTKD	07/7/2023	4	2				K37	LOGISTICS	LOGISTICS - 01	
791	LAW348	D01	Tư pháp quốc tế	3	S	**5**	1-9	B1.304	LKT	10/4/2023	4	1				K37	LKT	LKT - 03	
792	LAW348	D02	Tư pháp quốc tế	3	C	**5**	1-9	B1.304	LKT	10/4/2023	4	1				K37	LKT	LKT - 02	
793	LAW348	D03	Tư pháp quốc tế	3	S	**6**	1-9	B1.305	LKT	10/4/2023	4	1				K37	LKT	LKT - 01	
794	MLM303	D01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**2**	1-6	B1.106	LLCT	10/4/2023	S2	1			PM	K36	NNA	NNA	
795	MLM303	D02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**4**	12-13,15-18	B1.203	LLCT	06/7/2023	C1	2			PM	K36	NNA	NNA	
796	MLM303	D03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**4**	1-6	B1.203	LLCT	10/4/2023	S1	1			PM	K37	TCNH	TC - 05	
797	MLM303	D04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**4**	1-6	B1.306	LLCT	10/4/2023	S1	1			PM	K37	TCNH	TC - 02	
798	MLM303	D05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**6**	12-17	A102	LLCT	06/7/2023	C2	2			PM	K37	TCNH	TC - 01	
799	MLM303	D06	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**6**	12-17	B1.304	LLCT	06/7/2023	C2	2			PM	K37	TCNH	TC - 03	
800	MLM303	D07	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**6**	12-17	A101	LLCT	06/7/2023	C3	2			PM	K37	DIG	DIG - 01	
801	MLM303	D08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**7**	12,14-18	B1.301	LLCT	06/7/2023	C3	2			PM	K37	NNA	NNA - 01, 02	
802	MLM303	D09	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**4**	12-13,15-18	B1.204	LLCT	07/7/2023	C1	2			PM	K37	NNA	NNA - 04, 06	
803	MLM303	D10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**3**	1-6	B1.303	LLCT	10/4/2023	S2	1			PM	K37	CNTC	CNTC_1	
804	MLM303	D11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**3**	1-6	B1.303	LLCT	10/4/2023	S2	1			PM	K37	CNTC	CNTC_2	
805	MLM303	D12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**5**	1-6	B1.305	LLCT	10/4/2023	S1	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 01	
806	MLM303	D13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**5**	1-6	B1.305	LLCT	10/4/2023	S1	1			PM	K37	KTKT	KTKT - 02	
807	MLM303	D14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**3**	12-13,15-18	B1.303	LLCT	07/7/2023	C2	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 03	
808	MLM303	D15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**3**	12-13,15-18	B1.303	LLCT	07/7/2023	C2	2			PM	K37	KTKT	KTKT - 04	

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
809	MLM303	D16	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**4**	1-6	B1.204	LLCT	10/4/2023	S2	1			PM	K37	QTKD	QTKD - 01	
810	MLM303	D17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**6**	1-6	B1.306	LLCT	10/4/2023	S3	1			PM	K37	TCNH	TC - 04	
811	MLM303	D18	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**6**	1-6	B1.306	LLCT	10/4/2023	S3	1			PM	K37	DIG	DIG - 02	
812	MLM303	D19	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**2**	1-6	B1.306	LLCT	12/4/2023	S1	1			PM	K37	LOGISTICS	LOGISTICS - 01	
813	MLM303	D20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**4**	12-13,15-18	B1.302	LLCT	07/7/2023	C1	2			PM	K37	HTTTKD	HTTTKD - 01	
814	MLM303	D21	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**7**	1,3-7	B1.206	LLCT	12/4/2023	S1	1			PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 01	
815	MLM303	D22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**7**	1,3-7	B1.206	LLCT	12/4/2023	S2	1			PM	K37	KHDLTKD	KHDLTKD - 01	
816	MLM303	D23	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**5**	13-18	B1.304	LLCT	07/7/2023	C3	2			PM	K37	QTTMĐT	QTTMĐT - 02	
817	MLM303	D24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**5**	13-18	B1.304	LLCT	07/7/2023	S3	2			PM	K37	NNA	NNA - 03, 05	
818	MLM303	D25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**6**	12-17	B1.305	LLCT	07/7/2023	C3	2			PM	K37	KDQT	KDQT - 01	
819	MLM303	D26	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**3**	1-6	B1.304	LLCT	12/4/2023	S2	1			PM	K37	KDQT	KDQT - 02	
820	MLM303	D27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**3**	1-6	B1.304	LLCT	12/4/2023	S3	1			PM	K37	KDQT	KDQT - 03	
821	MLM303	D28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**4**	1-6	B1.401	LLCT	12/4/2023	S3	1			PM	K37	LKT	LKT - 01	
822	MLM303	D29	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**4**	1-6	B1.401	LLCT	12/4/2023	C1	1			PM	K37	LKT	LKT - 02	
823	MLM303	D30	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**5**	1-6	B1.306	LLCT	12/4/2023	C1	1			PM	K37	NH	NH - 01	
824	MLM303	D31	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**6**	1-6	B1.305	LLCT	12/4/2023	C2	1			PM	K37	LKT	LKT - 03	
825	MLM303	D32	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	S	**2**	12-13,15-18	B1.206	LLCT	07/7/2023	C3	2			PM	K37	KTQT	KTQT - 01	
826	MLM303	D33	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	C	**5**	1-6	B1.303	LLCT	12/4/2023	C2	1			PM	K37	NH	NH - 02	
827	DIM710	D01	Video Marketing	3	S	**5**	13-21	B1.204	QTKD	04/7/2023	4	2				K36	DIG	DIG - 1	Tự chọn
828	DIM710	D02	Video Marketing	3	S	**6**	1-9	B1.301	QTKD	11/4/2023	4	1				K36	DIG	DIG - 3	Tự chọn
829	DIM710	D03	Video Marketing	3	C	**6**	1-9	B1.301	QTKD	11/4/2023	4	1				K36	DIG	DIG - 2	Tự chọn

TT	Mã HP	Mã lớp HP	Tên học phần	TC	CA TIẾT	Thứ	Tuần	GĐ	Khoa QLMH	Ngày thi	Ca thi	Đợt thi/học	Phòng thi	Ghi chú 1 (P. học)	Ghi chú 2 (P. thi)	Khóa ưu tiên	Ghi chú 3 Ngành	Ghi chú 4 Nhóm	Ghi chú 5
830	LAW703	D01	Xã hội học pháp luật	2	S	**7**	14-19	A004	LKT	04/7/2023	4	2				K38	LKT	LKT	Tự chọn
831	BAF303	D01	Xếp hạng tín nhiệm	3	S	**5** **7**	2 1, 3-9	B1.202 B1.103	NH	12/4/2023	2	1				K36	TC	TC - 01	
832	BAF303	D02	Xếp hạng tín nhiệm	3	C	**5** **7**	1 1, 3-9	B1.202 B1.103	NH	12/4/2023	2	1				K36	TC	TC - 03	
833	BAF303	D03	Xếp hạng tín nhiệm	3	S	**3**	1-9	B1.202	NH	12/4/2023	2	1				K36	TC	TC - 02	
834	BAF303	D04	Xếp hạng tín nhiệm	3	C	**4**	1-9	B1.201	NH	12/4/2023	2	1				K36	TC	TC - 04	
835	BAF303	D05	Xếp hạng tín nhiệm	3	S	**4**	1-9	B1.201	NH	12/4/2023	2	1				K36	TC	TC - 05,06	

Nơi nhận:
- Các Khoa, Bộ môn;
- Phòng KT&ĐBCL,Ttra,VP,QTTS,TCKT, QLCNTT;
- Phòng TVTS&PTTH;
- Lưu: PĐT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(đã ký)

Nguyễn Thị Huỳnh Uyên

B

g

g

g